

TRẦN VIỆT BÌNH - NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG

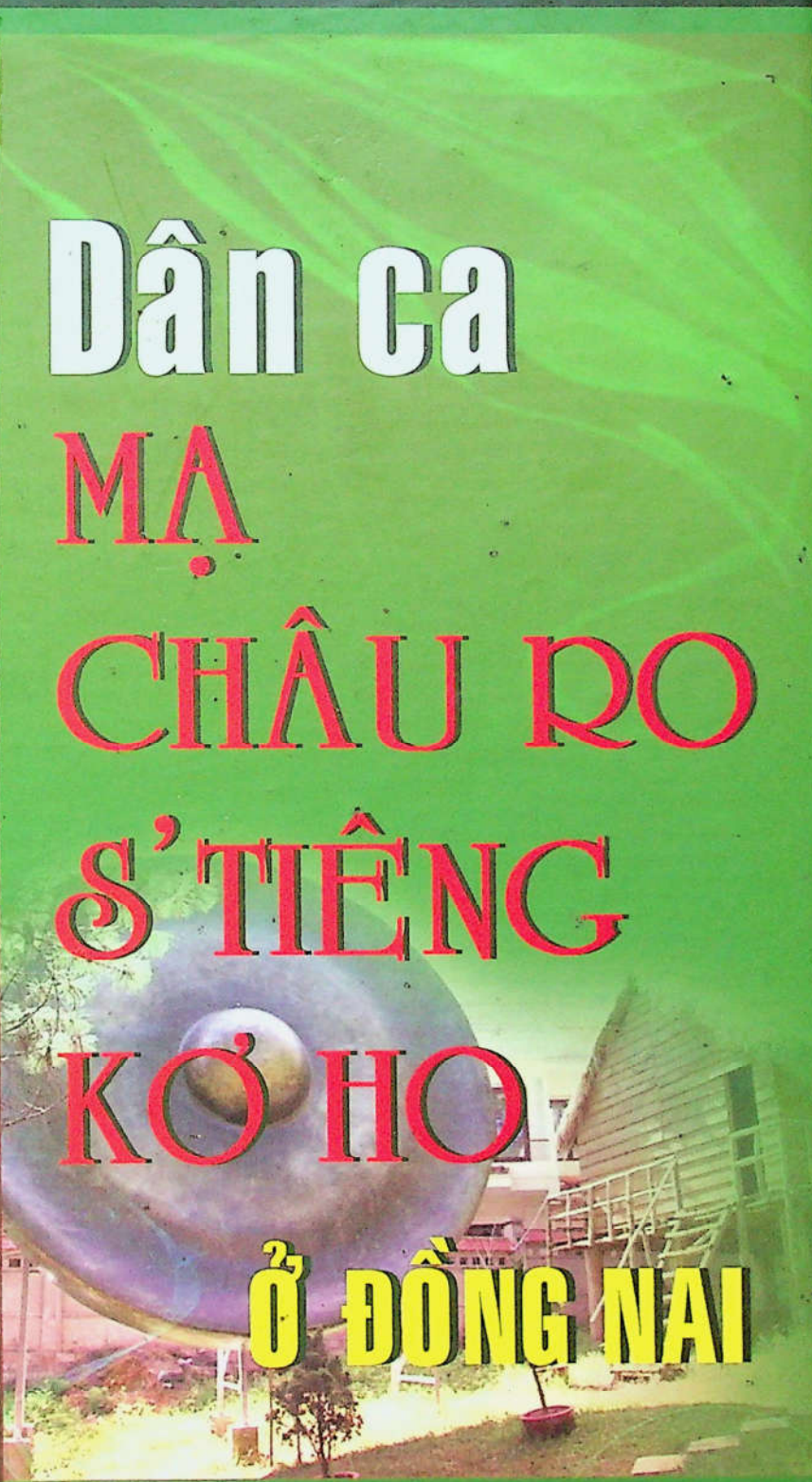
KHẢO CỨU - SƯU TẦM - GHI ÂM - DỊCH VÀ ĐẶT LỜI VIỆT

782.421 620 095 9775

ĐC

D 121 C

Dân ca MẠ CHÂU ĐO S' TIENG KỶ HO Ở ĐỒNG NAI



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 2011

DÂN CA

MẠ

CHÂU RÔ

8' TIENG

KỜ HO

Ở DƯNG HAI

TRẦN VIỆT BÌNH – NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG

KHẢO CỨU – SƯU TẦM – GHI ÂM – DỊCH VÀ ĐẶT LỜI VIỆT

DÂN CA

MẠ

CHÂU ĐO

8' TIENG

KƠ HO

Ở ĐỒNG NAI

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2016/00/VL 001105

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 2011

LỜI MỞ

Ôm tập bản thảo Dân ca Mạ, Châu Ro, S'tiêng, Kơ Ho và bức thư “gan ruột” của nhạc sĩ Trần Viết Bính trong tay, lòng tôi bồi hồi, khó tả. Kết quả của 20 năm tâm huyết đây rồi?!

Còn nhớ, năm 1990, cùng đoàn sưu tầm văn nghệ dân gian lận lội đến với đồng bào dân tộc Mạ, S'tiêng ở Tà Lài, Bù Cháp (huyện Tân Phú), tôi có trao đổi với nhạc sĩ Trần Viết Bính về ý tưởng “*Đánh thức tiếng hát của đồng bào dân tộc thiểu số*”. Ý tưởng chỉ lập lòe như ánh sáng đóm đóm giữa rừng. Không hy vọng nhiều. Vì nhạc sĩ Bính đang nặng nợ với công vụ quản lý và nghiệp vụ nhạc hiện đại. Vả lại, lúc đó, đồng bào còn nhiều khó khăn, phải lo đánh vật với cái dạ dày; tiếng nước đập Vàm Hô bị vỡ, tràn ngập ruộng đồng, nhà ở thu hút sự quan tâm nhiều hơn là giai điệu dân ca vốn bị bỏ quên đã nhiều chục năm.

Vậy mà, ý tưởng ấy đọng lại, sâu lắng, thôi thúc lòng người nhạc sĩ luống tuổi. Nhạc sĩ - tác giả của *Hạt gạo làng ta* (thơ Trần Đăng Khoa) như có duyên ngầm với dân ca, âm thầm thu dọn việc riêng, từ năm 1993, chuyển sang chuyên tâm lo việc sưu tầm, nghiên cứu dân ca các dân tộc bản địa ở địa phương.

Bắt đầu từ chủ trương của lãnh đạo tỉnh Đồng Nai: “*Khắc phục tình trạng sưu tầm rồi “bỏ kho”, báo cáo thành tích, sân khấu hóa hoặc đánh bóng giải thưởng cá nhân. Sưu tầm là để nghiên cứu, truyền dạy, phổ biến, gieo cấy trở lại trong đồng bào; giữ gìn, phát huy, làm giàu tài sản văn hóa cho đồng bào*”. Quan điểm ấy sáng tỏ. Nhưng việc thực hiện rất khó. Phải dày công. Trước hết là cần có người tâm huyết. Nhạc sĩ Trần Viết Bính như người lính tâm huyết tiên phong. Ông thường có mặt trong tất cả các chương trình văn hóa dân tộc của Chi hội Văn nghệ dân gian, Trường Văn hóa Nghệ thuật, Đài Phát thanh & Truyền hình, Sở VH-TTDL tổ chức. Và tự mình, với “cơm nguội - muối mè” và lòng say mê vô bờ đã thổi hồn cho từng câu hát. Không chỉ là việc sưu tầm, nghiên cứu dân ca, ông còn phục dựng không gian diễn xướng, truyền dạy cho thanh thiếu nhi con cháu của đồng bào để giai điệu dân ca thức giấc, truyền lửa cho đời sau. Các em học sinh dân tộc tại Trường Văn hóa Nghệ thuật nói tự đáy



Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới cùng các tác giả Trần Viết Bính, Nguyễn Thị Tuyết Hồng và đồng bào Mạ, trong chuyến điền dã ở Tà Lài năm 1993.

lòng: “*Chúng con cảm ơn các thầy cô đã đưa lại những bài hát của ông bà cho chúng con...!*”. Chứng kiến lớp dạy hát dân ca cho con em của đồng bào, người già các buôn làng vui vẻ: “*Thiệt là sướng cái bụng!*”. Nhiều đêm, dân làng đội mưa gió đi xem “*lũ nhỏ làng mình hát bài của ông bà mình*”.

Từ những bài dân ca sưu tầm, tiếng hát của người Châu Ro đã vượt qua mặc cảm “nhỏ yếu” vang động trong các chương trình truyền thông, giao lưu văn hóa trong và ngoài tỉnh. Nghệ nhân Điểu Liệt đạt Huy chương vàng “Liên Hoan dân ca Việt Nam toàn quốc, Hà Nội, 2005”. Tốp ca xã Túc Trưng (huyện Định Quán) nhận Huy chương bạc “Liên hoan dân ca toàn quốc, khu vực Nam Bộ, 2009”.

Đáng trân trọng là bộ VCD gồm các bài Karaoke dân ca Mạ, Châu Ro, S’tiêng. Từ gợi ý của Chi hội Văn nghệ dân gian, nhạc sĩ Trần Viết Bính đã “liều mình”, góp phần “Karaoke hóa” tác phẩm dân ca sưu tầm được với kỹ thuật không kém chuyên nghiệp. Hình ảnh và không gian dân ca được tái hiện phù hợp với lời ca và đời sống hiện thực, hiệu quả hơn nhiều bài Karaoke thị trường với lời và hình “mạnh ai nấy đi”. Có những hoạt cảnh quý hiếm hiện không thể phục dựng được nữa, vì nghệ nhân đã ra đi.

Cũng có người dị ứng với việc ký âm dân ca bằng 7 nốt nhạc Tây. Nhưng lấy đồng bào làm thước đo thì việc này có ý nghĩa thiết thực. Có đứng ở phía tiếp nhận của đồng bào mới biết. Hôm trình chiếu tại Nhà dài Dân tộc Châu Ro ở ấp Lý Lịch, xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu), bà con Châu Ro ngồi dự thâu đêm, già làng Năm Nổi vui sướng quá, vỗ đùi thốt lên: “*Nhạc sĩ Bính của mình giỏi thiệt!*”. “**NHẠC SĨ BÍNH CỦA MÌNH!**”. Ấy là lời khen, là sự nghiệm thu, công nhận, còn là lời khen hơn mọi giấy khen. Trong lần diễn dã tại Lộc Bắc, Lộc Bảo (huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng) tháng 11/2010, bà con dân tộc Mạ cũng đã đón nhận “bài hát của mình” tương tự như vậy.

Như con ong làm mật, nhạc sĩ Trần Viết Bính đã dành 20 năm nung nấu, 17 năm miệt mài cho công trình này. Không ồn ào. Không đòi hỏi. Bằng mọi cách đến với những nơi có tiếng hát của đồng bào. Tuổi cao, chân yếu, ý chí mạnh, kinh nghiệm dồi dào, thao tác máy thành thạo, tuổi gấp gần 80 làm việc như sức trẻ. Đồng nghiệp kính ngạc, khâm phục, kính trọng, và than thán: “*Không theo kịp!*”.

Năm 2005, tôi nhận được tập bản thảo 51 bài dân ca Mạ, Châu Ro, S’tiêng; ngỡ là công trình cuối đời, hối hả viết lời giới thiệu trang trọng. Nay, là công trình tiếp nối, có bổ sung, phát triển, gồm 111 bài, thêm dân ca Kơ Ho. Bản thảo chuẩn bị công phu, cẩn trọng, tính chuyên môn cao; lắng đọng trong đó là tâm huyết, trí tuệ, tài hoa của người nhạc sĩ “cao tuổi trẻ trung”. Tôi không còn đủ lời để giới thiệu thêm. Chỉ có thể ngả mũ kính chào và nhắc đến hai chữ “vô giá”!

Biên Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2010

TS. HUỲNH VĂN TỚI

Chi hội trưởng Chi hội VNDG Đồng Nai

LỜI TỰA

*M*ạ, Châu Ro, S'tiêng, Kơ Ho là 4 dân tộc ít người được coi là những dân tộc bản địa ở Đồng Nai.

Trong những năm gần đây, hàng trăm bài dân ca Mạ, Châu Ro, S'tiêng, Kơ Ho đã được sưu tầm. Việc này phần nào đã đạt được mục đích lưu giữ và có tác dụng phổ biến cho lớp người trẻ của cộng đồng dân tộc đó.

Tuy nhiên, nếu nhằm mục đích phổ biến rộng rãi các bài dân ca Mạ, Châu Ro, S'tiêng, Kơ Ho cho tất cả các dân tộc anh em cùng hát được thì gặp một khó khăn là lời ca trong bài hát của dân tộc nào, thì chỉ có dân tộc ấy hát được, muốn phổ biến rộng rãi phải dùng lời ca đã dịch ra tiếng Việt.

Tập sách này gồm 111 bài dân ca đã được sưu tầm từ năm 1983 - 2010 ở các vùng đồng bào dân tộc sống trong tỉnh Đồng Nai. có dịch và soạn phần lời bằng tiếng Việt, để dân tộc nào cũng có thể hát được bằng thứ tiếng chung phổ thông. Lời dịch Việt sát nghĩa với nội dung ca từ dân tộc.

Xin hân hạnh giới thiệu cùng quý vị độc giả.

Nhạc sĩ TRẦN VIẾT BÌNH



**CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA
Ở ĐỒNG NAI
NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG**

A. VÀI NÉT KHÁI QUÁT CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA Ở ĐỒNG NAI

*D*o những biến động lịch sử và điều kiện địa lý tự nhiên, đất Đồng Nai đã qui tụ đông đảo các dân tộc⁽¹⁾ trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam đến đây sinh sống. Ngoài dân tộc Kinh hiện diện từ rất sớm và các dân tộc Châu Ro, Mạ, S'tiêng, Kơ Ho được xem là cư dân bản địa thì đến giữa những năm thập niên thế kỷ 17 có thêm lưu dân người Hoa đến cộng cư, xây dựng cuộc sống mới. Giai đoạn lịch sử cận hiện đại, nhiều tộc người từ miền Bắc, miền Trung và cả miền Tây như Tày, Nùng, Mường, Chăm, Khơme... không ngừng tìm đến sinh tụ nơi vùng đất màu mỡ này.

Các tộc người ở Đồng Nai phân bố ở những địa bàn và vùng đất khác nhau, có khi biệt lập ra thành từng xóm ấp nhưng nhìn chung là sống xen kẽ với người Kinh và các dân tộc khác. Mặc dù không có lãnh thổ tộc người riêng biệt nhưng mối liên hệ trong nội bộ từng dân tộc khá chặt chẽ. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói, lịch sử, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán và tâm lý riêng. Trong suốt tiến trình lịch sử hơn ba trăm năm của Đồng Nai, nhiều dân tộc đến đây và khẳng định được khả năng, sức sống của mình, tạo nên những sắc thái văn hóa rõ rệt.

Sự cộng cư của nhiều thành phần dân tộc làm cho văn hóa Đồng Nai vốn từ lâu đã phong phú ngày càng đa dạng hơn. Từ những đặc điểm riêng của mỗi dân tộc như sinh hoạt đời sống, ngành nghề thủ công, phong tục tập quán, lễ hội tín ngưỡng, kho tàng văn hóa dân gian... qua năm tháng thời gian và những nguyên nhân, điều kiện tất yếu của lịch sử, phương diện nào đó đã có sự giao thoa nhau giữa các dân tộc tạo thành một tổng thể đầy màu sắc, đầy tính đặc trưng.

Đồng Nai hiện có khoảng 40 dân tộc sinh sống. Theo sự xác minh thành phần dân tộc của các nhà dân tộc học, các tộc người Châu Ro, Mạ, S'tiêng, Kơ Ho được xem là cư dân bản địa, mang tính tiêu biểu cho các tộc người anh em sinh sống trên địa bàn Đồng Nai. Tiếng nói của người Châu Ro, Mạ, S'tiêng, Kơ Ho thuộc ngữ hệ Nam Á, nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme, loại hình nhân chủng Anđônêdiêng, chưa có chữ viết riêng.

Nhìn chung, các tộc người bản địa ở Đồng Nai sinh sống bằng nông nghiệp là chính. Theo truyền thống, phương thức sản xuất nông nghiệp dựa vào thiên nhiên mang tính tự cấp tự túc. Họ phát rừng làm rẫy hoặc khai thác các vùng gò đồi để làm nương là phương thức canh tác chủ yếu. Ở một số vùng đất trũng ven đầm lầy, sông, suối cũng được khai thác làm ruộng lúa nước với kỹ thuật tương tự như người Kinh, tùy mức độ thâm canh khác nhau. Chăn nuôi gia cầm, gia súc khá phổ biến nhưng chưa

(1) Khái niệm "dân tộc" ở đây được dùng với nghĩa là "tộc người" (biên tập).

phát triển. Công việc đan lát và dệt vải chưa tiến lên thành một nghề làm ra sản phẩm hàng hóa để bán hoặc trao đổi. Các hình thái kinh tế chiếm đoạt như săn bắt, hái lượm còn tồn tại dai dẳng trong mỗi tộc người. Việc trao đổi hàng hóa vật dụng sinh hoạt gia đình diễn ra trong nội bộ làng hoặc các làng với nhau, chưa xuất hiện tầng lớp thương nhân chuyên nghiệp. Các tập tục cũ cùng với trình độ sản xuất thấp kém đã làm cho cuộc sống của đồng bào khó được nâng cao. Về mặt xã hội, các tộc người bản địa ở Đồng Nai chưa có sự phân hóa rõ rệt. Tổ chức làng và mối quan hệ cộng đồng giữ các vị trí quan trọng trong đời sống của mỗi thành viên. Hội đồng già làng không còn hiện hữu và đóng vai trò quyết định như trước đây. Hình thức cư trú của mỗi dòng họ theo kiểu nhà sàn dài đã trở thành xa lạ đối với lớp trẻ thời nay. Chế độ mẫu hệ ở mỗi tộc người dần dần được thay thế bằng chế độ phụ hệ ở những mức độ khác nhau. Tiếng dân tộc hầu như chỉ sử dụng ở nội bộ người với nhau. Gần đây, với nhận thức ngày càng được nâng cao, đồng bào đã có ý thức tiết kiệm hơn, việc cúng bái giảm nhiều, bị ốm đau đã biết dùng thuốc.

Các dân tộc bản địa ở Đồng Nai do sống đan xen nhau từ lâu đời mà đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ, sinh hoạt và đời sống... có nhiều nét vay mượn, giao thoa. Tuy ít nhiều có khác biệt song tính thống nhất là một đặc điểm khá dễ thấy ở xã hội các dân tộc bản địa Đồng Nai. Cách ăn mặc phong tục tập quán, tín ngưỡng... giữa các dân tộc trước đây nhìn chung khá tương đồng, nhưng ngày nay phần lớn đều theo kiểu người Kinh. Nhiều thập niên gần đây, một số đồng bào theo đạo Công giáo, Tin lành. Điều đáng lo ngại là kho tàng văn hóa dân gian phong phú, độc đáo, mang nét đặc trưng dân tộc sâu sắc đang có nguy cơ mai một dần theo thời gian và tốc độ phát triển của xã hội.

Ngày nay, cùng với đại diện gia đình các dân tộc ở Đồng Nai, dân tộc người Châu Ro, Mạ, S'tiêng, Kơ Ho đã thật sự hòa nhập vào mọi mặt hoạt động, mọi lĩnh vực trong đời sống văn hóa xã hội, kinh tế của tỉnh. Đảng và Nhà nước đã ban hành, thực thi nhiều chính sách ưu đãi, nhiều dự án phát triển đối với đồng bào dân tộc, nhất là những vùng có nhiều đóng góp cho cách mạng như Lý Lịch, Tà Lài... nhằm hỗ trợ và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trình độ dân trí của đồng bào ngày càng đa dạng, phong phú, văn minh hơn.

Các dân tộc bản địa ở Đồng Nai trong suốt chặng đường hình thành và phát triển đã cùng nhau sáng tạo nên nền văn hóa đa dạng, độc đáo ở từng địa bàn dân tộc, từng vùng, vừa bổ sung đan xen nhau, vừa mang tính thống nhất, phù hợp với những điều kiện lịch sử và điều kiện tự nhiên của Đồng Nai. Đó là những chứng tích cụ thể về bản lĩnh, bản sắc truyền thống văn hóa độc đáo của mỗi dân tộc.

D. DÂN TỘC MẠ

1. Tộc danh và lịch sử tộc người:

Theo các nhà nghiên cứu, người Mạ là tộc người đã có mặt rất sớm ở vùng đất miền Đông Nam Bộ, là cư dân bản địa của tỉnh Đồng Nai. Xưa kia họ đã lập nên một tiểu vương quốc của người Mạ ở khu vực Đồng Nai thượng nam Lâm Đồng, đại khái ranh giới phía Nam là sông La Ngà, phía Bắc là vùng Đức Trọng (Lâm Đồng), phía Đông giáp Bình Thuận, phía Tây giáp Bình Phước. Vương quốc Mạ nằm trên phần lớn cao nguyên Di Linh - Bảo Lộc, nửa phía Bắc huyện Định Quán và toàn huyện Tân Phú hiện nay.

Năm 1994, qua các đợt khảo sát và khai quật khảo cổ học đã khám phá thánh địa Cát Tiên nằm ở hai bờ Bắc Nam sông Đồng Nai thuộc phạm vi hai tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai. Hiện nay, càng khẳng định thêm một lần nữa sự tồn tại của tiểu vương quốc này mà trước đó rất lâu đã được các nhà nghiên cứu đề cập đến trong các công trình nghiên cứu của mình. Nó là “trái độn” giữa vương quốc Champa với xứ sở người S’tiêng, từng tồn tại khá lâu. Cũng có nhà nghiên cứu cho rằng tiểu vương quốc Mạ chỉ là sự liên minh của nhiều bộ lạc, thị tộc. Cuối thế kỷ 17, tiểu vương quốc Mạ biến mất và cho đến nay các nhà nghiên cứu cũng chưa rõ vì nguyên nhân nào.

Dân tộc Mạ là một cộng đồng người thống nhất, có tên gọi, ngôn ngữ, ý thức chung về tộc người của mình, tự phân biệt mình với các dân tộc láng giềng. Ngoài tộc danh thống nhất là Mạ, họ còn được gọi là *Châu Mạ*, *Chô Mạ*, *Chê Mạ*. Cộng đồng người Mạ trong quá trình tồn tại và phát triển của mình đã phân định thành một số nhóm địa phương – chủ yếu như Mạ Ngan (Mạ chính dòng), Mạ Xốp (người Mạ ở vùng đá phiến), Mạ Tô (người Mạ vùng thượng nguồn sông Đồng Nai), Mạ Krung (người Mạ vùng đồng bằng), Mạ Xrê (người Mạ làm ruộng)...

Ở Đồng Nai, nhóm cộng đồng người Mạ tự nhận tộc danh của mình là Mạ Krung, Mạ Kị (ở Hiệp Nghĩa, Định Quán), tức là nhóm người Mạ sinh sống ở vùng thấp, phía dưới so với nơi cư trú chính, đông đảo của dân tộc Mạ vùng cao nguyên Lâm Đồng và Mạ Rà Lài (ở Tà Lài, Tân Phú) là tộc người Mạ sinh sống ở vùng cao. Theo cách lý giải của người Mạ Rà Lài thì có lẽ do đọc chệch và phiên âm từ Rà Lài nên



Nhà sàn của đồng bào Mạ, xã Tà Lài, huyện Tân Phú.



Nhà Văn hóa các dân tộc xã Tà Lài.

mới có địa danh Tà Lài thời Pháp thuộc và được sử dụng tới ngày nay.

Trước năm 1945, người Mạ sống tập trung đông đúc ở khu vực Định Quán, các làng Thuận Tùng, Cao Cang, Gia Canh, Tà Lài... Năm 1947, họ bị quân Pháp cưỡng bức về sống tập trung ở Trảng Bom nhằm dễ bề quản lý, đồng thời bắt thanh niên Mạ đi lính. Tuy nhiên, không bao lâu sau, đồng bào đấu tranh bỏ về quê cũ.

Người Mạ không có nhiều họ như người Châu Ro. Họ phổ biến của người Mạ ở Đồng Nai là K' (dành cho nam) và Ka (dành cho nữ). Tiếng nói của người Mạ và người Kơ Ho gần giống nhau, chưa có chữ viết riêng.

Vài mươi năm trước đây, một số giáo sĩ Công giáo, Tin lành nghiên cứu tiếng nói của người Mạ rồi phiên âm sang tiếng La tinh để thuận lợi cho việc truyền đạo.

Người Mạ ở Đồng Nai hiện có 564 hộ với 2.577 khẩu (số liệu của Ban Dân tộc tỉnh, tháng 6/2009), đứng thứ 10 trong số hơn 40 dân tộc anh em đang sinh sống trên địa bàn tỉnh, hầu hết tập trung ở huyện Tân Phú (266 hộ, 1306 khẩu) và Định Quán (289 hộ, 1235 khẩu). Việc quần cư của người Mạ thể hiện tính cộng đồng khá rõ và chặt chẽ, địa bàn có đông người Mạ sinh sống là ấp 4, xã Tà Lài (huyện Tân Phú) và ấp Hiệp Nghĩa (huyện Định Quán). Ngoài ra, còn một số xã khác như Phú Bình, Phú Sơn, Phú Tân...

2. Cấu trúc xã hội - gia đình:

Người Mạ gọi làng của mình là *bon* (buôn). Theo truyền thống, mỗi *bon* có vài nóc nhà sàn dài, gọi là *hùi đoòng* với hàng chục gia đình thuộc nhiều thế hệ cùng huyết thống sinh sống. Đứng đầu mỗi *hùi đoòng* là vị tộc trưởng (chau đoòng) có nhiệm vụ cúng kiếng, tham gia hòa giải mâu thuẫn nội bộ, tham gia xử phạt các thành viên mắc lỗi... Các *chau đoòng* họp thành hội đồng già làng có nhiệm vụ giải quyết mọi việc trong *bon* của mình. Nhưng từ thời Pháp cai trị, cơ cấu này không còn, thay vào đó là các chức sắc của hệ thống chính quyền do nhà nước thực dân đặt ra... Ngày nay, vai trò quan trọng của hội đồng già làng, của những người thuộc tộc trưởng chỉ còn ký ỨC của những người cao niên, tổ chức xã hội ở những nơi cư dân Mạ sinh sống đều theo hệ thống tổ chức của chính quyền đương thời.

Xã hội người Mạ ở Đồng Nai qua nhiều giai đoạn lịch sử chưa phân hóa giai cấp



Tượng đài kỷ niệm Ngục Tà Lài.



Trường Mẫu giáo xã Tà Lài.

rõ rệt. Một số ít hộ có mức sống khá, có tài sản đáng giá như: trâu, chiêng, ché... Còn đa số đời sống vẫn còn nhiều thiếu thốn, nghèo đói, một số ít phải đi làm mướn kiếm ăn hằng ngày. Bản tính người Mạ hiền hòa, thuần phác, hiếu khách, ít tranh chấp gây gỗ nhau. Họ không đi buôn, không làm giàu, có bao nhiêu ăn bấy nhiêu, thiếu tính toán phòng xa. Nội bộ bon sống đoàn kết giúp đỡ nhau vô tư. Người Mạ vốn gắn bó với cộng đồng nên họ rất sợ vi phạm những luật tục của làng, các hiện tượng như tranh chấp ruộng đất, đánh nhau, trộm cắp, loạn luân... rất ít xảy ra.

Cách đây vài thập niên khi còn nhà sàn dài, hình thức cư trú đa gia đình còn chặt chẽ, chế độ mẫu hệ vẫn phổ biến trong cộng đồng Mạ. Người mẹ, người vợ quyết định mọi việc trong gia đình, quản lý kho lúa chung của dòng họ và phân phối cho các gia đình nhỏ. Con gái được quý trọng hơn con trai. Nam thanh niên lấy vợ phải ở nhà vợ và vai trò của người cậu rất quan trọng trong việc giải quyết các công việc gia đình.

Xã hội truyền thống của người Mạ bị thay đổi nhiều sau năm 1957, khi người Mạ bị dồn vào các ấp chiến lược. Hình thức cư trú nhà sàn biến mất, gia đình nhỏ thay thế gia đình lớn, ngôi nhà trệt dần xuất hiện và trở thành phổ biến. Chế độ theo dòng cha từng bước thăng thế, người đàn ông có bốn phận làm nuôi gia đình, nên quyền hành cũng lớn.

Để phân biệt giữa dòng họ này với dòng họ khác, người Mạ dùng thuật ngữ *Nao*. Chế độ hôn nhân một vợ một chồng được xác lập bền vững, cưới xong thường vợ về nhà chồng, tuy nhiên tàn dư chế độ mẫu hệ - người chồng về sống ở nhà vợ vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi. Khi cha mẹ già yếu vẫn thường sống với người con gái út.

3. Hoạt động kinh tế:

Hình thức kinh tế nương rẫy đóng vai trò chủ đạo trong đời sống của người Mạ. Họ có truyền thống du canh nhưng ít du cư, làm nương rẫy lúa khô và trồng các loại hoa màu. Ở những vùng ven sông Đồng Nai như Tà Lài và vùng trũng thấp



Cầu treo xã Tà Lài.



Hồ Dam Tôn ở Bon Gor, huyện Tân Phú.

như ở Hiệp Nghĩa, đồng bào có khai thác làm ruộng lúa nước bằng cách lùa đàn trâu xuống ruộng quần đất đến khi nhào bùn thì gieo lúa giống. Rẫy của người Mạ là rẫy đa canh, ngoài trồng lúa còn trồng nhiều loại hoa màu khác như bắp, bầu, bí, khoai mì... và trồng cả thuốc lá, bông cải. Vào khoảng tháng giêng âm lịch, người Mạ vào rừng tìm đất phát rẫy chuẩn bị vào vụ mùa. Họ tránh những khu rừng nguyên sinh nhiều cây cao bóng cả vì quan niệm đó là rừng thiêng, nơi cư ngụ của các đấng thần linh. Các gia đình cùng làng thường làm rẫy gần nhau và tôn trọng quyền chiếm hữu đất đai của mỗi gia đình. Xưa kia, ở mỗi bon, người Mạ cử ra một người làm chủ rừng (*tôm bri*), dân nơi khác muốn đến làm rẫy, săn bắt, đánh cá... trong phạm vi đất đai của làng thì phải được sự đồng ý của chủ rừng. Khoảng tháng 03 đến tháng 04 âm lịch, người Mạ thường bắt tay vào trồng trọt sau khi tiến hành lễ cúng rẫy cầu cho mùa vụ được bội thu. Công cụ làm rẫy chủ yếu là rìu, chà gạc, dao, cây chọc lỗ tủa hạt, ống đựng hạt giống... Những năm gần đây, người Mạ đã biết sử dụng cày, bừa, cuốc... để làm đất trồng lúa nước như người Kinh. Ngoài việc trồng cây lương thực, người Mạ còn trồng một số cây công nghiệp khác như điều, cà phê, cam, quýt... tuy nhiên diện tích chưa nhiều và năng suất còn hạn chế.

Người Mạ thường nuôi các loại gia súc như trâu, bò, dê thành từng đàn vài ba mươi con, chủ yếu dùng để giết thịt trong các lễ cúng thần linh, đám cưới, tang ma... Ngày nay, số lượng nuôi đã giảm nhiều, chủ yếu để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Các loại gia cầm như gà, vịt, heo... cũng được các hộ gia đình nuôi và giết thịt khi nhà có khách hay có việc quan trọng. Theo truyền thống, gia súc gia cầm nuôi được thả rong từ ngày này qua ngày khác. Hiện nay, cách chăn nuôi tuy có tiến bộ hơn nhưng vẫn còn chậm phát triển, chưa trở thành ngành kinh tế nông nghiệp làm ra sản phẩm hàng hóa.

Là tộc người sống ở rừng núi vì vậy cuộc sống của người Mạ chủ yếu dựa vào rừng. Do đó việc săn bắt, hái lượm luôn gắn liền với cuộc sống của họ. Người Mạ đã sử dụng tốt các loại bẫy để bắt thú lớn như voi, gấu, bò rừng, với những thú nhỏ như nai, mễn, chồn... thì sử dụng ná với những mũi tên có tẩm thuốc độc. Vào mùa khô, người Mạ thường bắt cá dưới suối bằng cách dùng rễ cây hoặc lá cây độc giã nát rồi thả xuống khúc suối, cá sẽ nổi lên mặt nước và bắt được dễ dàng. Các loại củ, quả, rau rừng, nấm, đọt non, đọt mây... cũng góp phần đáng kể trong cuộc sống của đồng bào,



Đoàn diên dã tại Tà Lài, năm 1985.



Lớp dạy hát dân ca ở xã Hiệp Nghĩa, huyện Định Quán.

nhất là vào những lúc giáp hạt.

Người Mạ nổi tiếng với nghề trồng bông dệt thổ cẩm như: áo, váy, khố, túi, chăn, khăn... với nhiều họa tiết hoa văn phong phú, đa dạng mang tính đặc trưng sâu sắc. Phụ nữ Mạ hầu như người nào cũng biết dệt và sử dụng thành thạo các gam màu để cho ra đời những tấm thổ cẩm đẹp, tinh xảo. Ở Tà Lài, Hiệp Nghĩa hiện nay, dệt thổ cẩm sau thời gian thăng trầm, đang được khôi phục và phát triển, hầu như gia đình nào cũng dệt thổ cẩm. Nhà nước cũng đã thực thi nhiều biện pháp, chế độ chính sách để khuyến khích đồng bào bảo tồn nghề truyền thống này và trao truyền cho thế hệ con cháu mai sau.

Việc rèn công cụ phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt và đan các loại gùi, chiếu, rọ, nia... là thế mạnh của dân ông Mạ. Các sản phẩm làm ra đều bền, đẹp, rất phù hợp khi sử dụng. Người Mạ còn biết làm gốm tuy số lượng không nhiều. Sản phẩm thường là các loại nồi, chén ăn cơm, ché rượu cần... và đây được xem là những mặt hàng cao cấp dùng để trao đổi hoặc lưu giữ trong nhà. Đã từ lâu, nghề này không còn tồn tại trong các làng người Mạ.

Nền kinh tế tự cấp tự túc của người Mạ đang biến đổi dần trong quá trình tiếp xúc, giao lưu với dân tộc anh em, qua đó từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào về mọi mặt.

4. Phong tục - tập quán:

Cũng như một số tộc người khác ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, người Mạ ăn cơm gạo nếp với thức ăn phổ biến là muối trộn ớt, măng tươi, rau rừng, các loại quả củ trồng được. Món “canh thục” được nấu từ bột gạo, lá cây rừng giã nhuyễn, cá tươi để vài ngày cho có mùi và được nấu trong ống lồ ô tươi. Đây là món đặc biệt dùng để đãi khách quý. Cách chế biến thức ăn chủ yếu là nướng, luộc, nấu canh. Khi ăn thường bốc nhưng những thập niên gần đây đã biết dùng đũa, muỗng. Người Mạ thường không biết kiêng cử trong ăn uống, kể cả phụ nữ sau khi sinh. Họ rất thích uống rượu cần và nam nữ hút thuốc lá rất nhiều bằng điếu tre hoặc quấn từ một loại lá rừng. Để có lửa, người Mạ dùng hai hòn đá đập vào nhau và dùng miếng bùi nhùi làm mồi lửa.

Nhà sàn là hình thức cư trú truyền thống của người Mạ. Nguyên liệu làm nhà là các loại gỗ, tre, mây, tranh... mái cửa ra vào được cuốn khum thành vòm, cửa mở



Già làng xã Tà Lài, huyện Tân Phú, thổi kèn môi.



Áp trưởng K' Chéch, xã Hiệp Nghĩa, huyện Định Quán và nhóm dịch lời.

ở đầu hồi. Bộ khung nhà được lựa chọn từ những loại gỗ tốt, cây suôn thẳng, không có dây leo bám để cầu mong cho gia đình đông họ làm ăn sinh sống được nhiều thuận lợi, may mắn. Vách và sàn được làm từ các loại tre nứa bổ banh đập dập. Xung quanh nhà ở của người Mạ còn dựng nhiều kho lúa trên sàn cao và các cột nhà kho được dựng theo mô típ chày cối. Ngày nay, truyền thống ở nhà sàn đang dần mất đi, họ ở và xây nhà theo kiểu người Kinh, kho lúa để chung trong nhà ở. Tuy nhiên vẫn còn một số ít hộ đồng bào ở Tà Lài vẫn làm chòi riêng để cất lúa theo truyền thống. Những năm gần đây, cùng với các dân tộc anh em khác, nhiều thiết chế văn hóa, các chế độ chính sách dành cho đồng bào được Nhà nước thực thi. Đồng bào đã sống định canh định cư, rất nhiều gia đình đã được hỗ trợ, giúp đỡ, được Nhà nước cấp cho những căn nhà lợp ngói hoặc lợp tôn, khang trang, có điện. Ở Tà Lài, một nhà dài truyền thống và nhà văn hóa dân tộc được xây dựng và trở thành nơi sinh hoạt của cả cộng đồng.



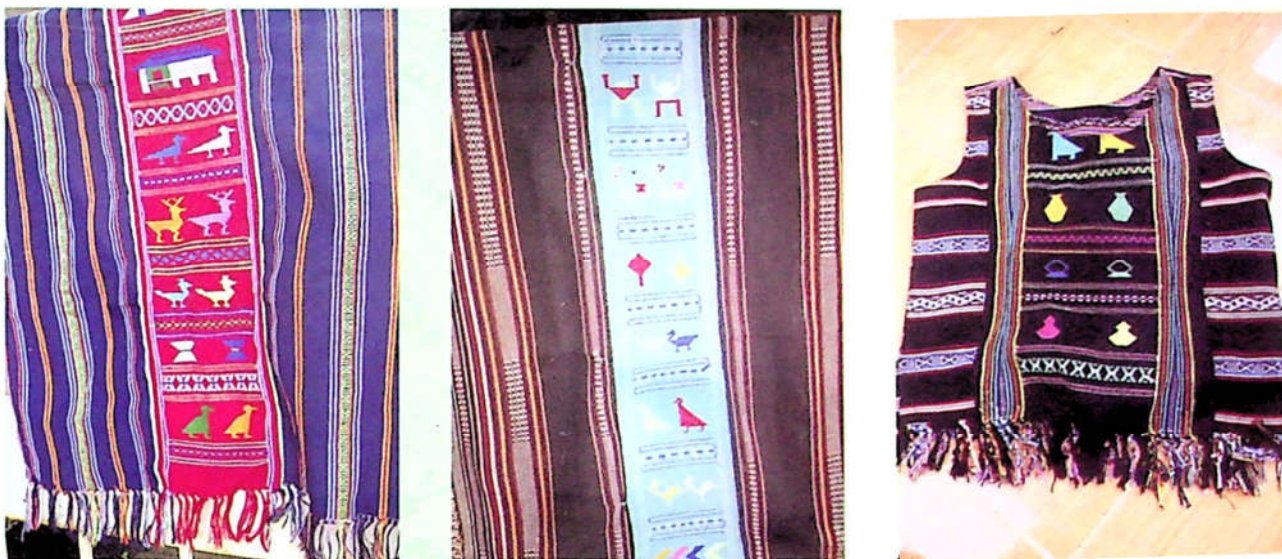
Lớp dạy dệt thổ cẩm ở xã Tà Lài, huyện Tân Phú.



Thiếu nhi xã Tà Lài, huyện Tân Phú, hát dân ca.

Đàn ông Mạ thường đóng khố, ở trần, rất ít khi mặc áo. Áo thường rộng và hở tà, vạt sau dài hơn vạt trước và thường che kín hông. Có loại thêu tua dài nối ở vạt sau. Áo có nhiều loại như dài tay, ngắn tay, cộc tay, nhưng phổ biến là áo cộc tay. Trong các dịp lễ hội, đàn ông thường quấn khăn lên đầu và cài lông chim để làm duyên. Phụ nữ thường mặc váy quần dài quá bắp chân, áo chui đầu vừa sát thân và dài tới thắt lưng kín tà, cổ thấp bằng vai. Mùa lạnh, họ thường quấn thêm tấm mền. Hoa văn trên thổ cẩm Mạ rất phong phú: hoa văn hình học, mô phỏng hình người nhảy múa, các con vật, mô típ cây cối... Tất cả trang phục của người Mạ thường do phụ nữ Mạ tự dệt lấy. Hiện nay, trong đời sống thường nhật, người Mạ không còn mặc những bộ quần áo dân tộc và chỉ mặc trong các dịp lễ hội. Dân tộc Mạ có tục cà răng, sâu lỗ tai để đeo trang sức bằng những đôi vòng hoặc bông tai cỡ lớn bằng đồng, gỗ hay những khoang nửa vàng, có giá trị nhất là vật đeo bằng ngà voi rất được đồng bào ưa chuộng. Phụ nữ đeo nhiều đồ trang sức như vòng đồng, chuỗi hạt cườm nhiều màu sắc sặc sỡ. Nam nữ thanh niên đều thích đeo vòng đồng ở cổ tay. Tùy mỗi người giàu nghèo mà cách ăn mặc, trang sức có sự khác nhau. Cổ tục cà răng, căng tai vài mươi năm gần đây đã mất hẳn.

Ở những làng cư trú ven sông Đồng Nai, người Mạ thường làm thuyền độc mộc



Thổ cẩm của người Mạ ở xã Tà Lài, huyện Tân Phú.

để di chuyển trên sông nước. Khi ra khỏi nhà hoặc vận chuyển, chiếc gùi là vật được sử dụng một cách hữu hiệu. Tùy thuộc vào tính chất của từng công việc mà chiếc gùi có kích thước và kiểu đan khác nhau để sử dụng cho phù hợp.

Người Mạ không xem trọng vấn đề trình tiết của người con gái. Khi chọn dâu rể, các bậc cha mẹ thường đánh giá vào năng lực, đức hạnh của người con gái như biết dệt thổ cẩm hay không, bếp núc nhà cửa có gọn gàng, thái độ ứng xử với mọi người xung quanh... Người nam thì xem chà gạo, dao phải bén, biết đan lát, lao động giỏi, siêng năng... Trai gái Mạ được tự do tìm hiểu trước khi đi đến hôn nhân. Quyền chủ động hôn nhân do bên nhà trai, lễ vật do nhà gái yêu cầu thường là ché rượu, bộ công chiêng, trâu bò, tiền, trang sức... Nếu nộp đủ sính lễ, đôi vợ chồng sau ngày cưới chỉ ở lại nhà gái vài ngày. Nếu thiếu sính lễ, chàng trai phải ở rể đến khi nộp đủ mới được phép đưa vợ về nhà mình. Chế độ hôn nhân một vợ một chồng được thiết lập bền vững, sự chung thủy trong đời sống vợ chồng được đánh giá cao. Ngoại tình là một hình thức vi phạm luật tục nặng nề và sẽ phạt theo phán quyết của làng. Người Mạ có tục "nối chỉ", sau khi vợ hoặc chồng mất thì tái hôn với em của vợ hoặc chồng. Hình thức hôn nhân giữa con cô con cậu được hội đồng chấp thuận. Ngày nay, tập tục cưới hỏi của người Mạ đơn giản đi rất nhiều. Họ thường tổ chức đám cưới giống người Kinh hoặc theo nghi thức tôn giáo



Thổ cẩm của người Mạ ở xã Hiệp Nghĩa, huyện Định Quán.



Thổ cẩm của người Mạ ở Bon Gor, huyện Tân Phú.

của đạo Công giáo, Tin lành. Sau khi cưới, vợ về nhà chồng hoặc chồng về nhà vợ tùy theo kinh tế của mỗi gia đình.

Việc sinh đẻ và nuôi dưỡng con cái được xem là hệ trọng. Người phụ nữ khi sinh có nhiều điều kiêng cử. Những đứa trẻ sau khi sinh vài ngày thường được các bà mẹ bồng ra suối tắm rửa với quan niệm bệnh tật sẽ trôi hết theo dòng nước, đứa trẻ luôn khỏe mạnh. Thời gian ở cữ thường từ 07 đến 09 ngày. Nếu sinh con trai thì nhau đứa trẻ đựng trong vỏ trái bầu khô chôn trước nhà, sinh con gái thì nhau chôn sau nhà. Người Mạ có loại thuốc bằng lá cây rừng giúp sản phụ hồi phục sức khỏe nhanh sau khi sinh. Gia đình tổ chức cúng mừng đứa trẻ ra đời và mời cộng đồng cùng đến dự. Đứa bé được đặt tên và nếu con trai thì lấy họ cha, con gái thì lấy họ mẹ. Ngày nay, phụ nữ sinh con thường đi đến các trạm y tế, bệnh viện để được chăm sóc sức khỏe tốt hơn.

Người Mạ theo tục thổ táng, mỗi làng có nghĩa địa riêng. Người chết thường được liệm trong quan tài bằng khúc cây được khoét rộng ruột. Tùy vào điều kiện kinh tế từng gia đình mà thời gian tổ chức tang lễ lâu hay mau. Thông thường từ 03 đến 05 ngày. Khi đưa tang, hòm được khiêng ra đến nghĩa địa rồi mới đào huyệt sau khi đã làm lễ cúng xin thần linh chỗ đất ấy. Người chết cũng được chia của để sử dụng ở thế giới bên kia. Sau khi mai táng thì bỏ mã và tang chủ phải kiêng 07 ngày không được vào rừng hoặc lên rẫy. Ngôi nhà có người chết bị bỏ đi, họ hàng giúp tang chủ cất ngôi nhà mới ở địa điểm gần nhà cũ. Trường hợp chết bất đắc kỳ tử (tai nạn, thú dữ, rắn độc cắn...) thì khâm liệm rồi chôn gần đó chứ không được khiêng xác về gia đình làm đám tang cũng như không được chôn trong nghĩa địa làng.

5. Tín ngưỡng - lễ hội:

Tín ngưỡng nguyên thủy của người Mạ là thờ đa thần với quan niệm vạn vật hữu linh. Họ cho rằng chết là linh hồn rời khỏi xác về sống với tổ tiên và tiếp tục sống ở một thế giới khác. Họ tin vào một thế giới siêu hình tồn tại song song với thế giới thực tại mà họ đang sống. Thế giới siêu hình ấy là nơi tồn tại, ngự trị của các thần linh (đại diện cho điềm lành) và có cả ma quỷ (đại diện cho điều ác) có khả năng chi phối con người.



Nghệ nhân thổi kèn bầu ở xã Hiệp Nghĩa, huyện Định Quán.



Nhạc sĩ Trần Viết Bình uống rượu với đồng bào Mạ ở Bon Gor, huyện Tân Phú.

Các thế lực thiên nhiên mà họ không hiểu, không lý giải được thường được họ coi là *thần*. Người Mạ quan niệm về một vị thần tối thượng có tên là *Yang Ndu*. Vị thần vô hình này có tài năng siêu phàm, đóng vai trò quan trọng nhất. Trong các lễ cúng, người Mạ thường đọc lời khấn *Yang Ndu* trước tiên. Họ cho rằng vị thần này tạo nên thế giới rộng lớn, tổ tiên người Mạ được *Yang Ndu* dựng nên, giúp đỡ duy trì nòi giống cho đến nay. Nhờ *Yang Ndu* chỉ dẫn mà tổ tiên người Mạ biết làm rẫy, săn thú, dệt vải... được lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Dưới *Yang Ndu* là hàng loạt các vị thần khác như *Yang Koi* (thần lúa), *Yang Bri* (thần rừng), *Yang Dah* (thần nước), *Yang Bơnm* (thần núi), *Yang Hiu* (thần nhà), *Yang Luh* (thần đá)... Xuất phát từ quan niệm các thần linh có mặt khắp nơi, chi phối đến đời sống con người, người Mạ tổ chức rất nhiều lễ cúng khi ốm đau, làm nhà, ma chay, canh tác mùa vụ... Họ thường cúng các vị thần liên quan đến công việc của mình như đi săn thì cúng *Yang Bri*, cầu cho bắt được nhiều thú, làm nhà thì cúng *Yang Hiu*, mong nhà cửa yên ổn không bị bệnh tật, thu hoạch mùa vụ xong thì cúng *Yang Koi*...

Lễ hội nông nghiệp lớn nhất của người Mạ là lễ cúng thần lúa. Thời gian tổ chức vào tháng 02 hoặc tháng 03 âm lịch, sau khi mùa màng đã thu hoạch xong. Trước đây lễ cúng thần lúa thường được tổ chức cùng với lễ đâm trâu. Địa điểm tổ chức thường là khoảng sân rộng trước nhà dài cộng đồng. Công đoạn chuẩn bị được phân công cho các thành viên trong làng. Trong ngày hành lễ, khoảng hai hoặc ba cây nêu được dựng lên theo hình tam giác và được buộc vào thân cây nêu những vật hiến sinh, thường là trâu, bò, dê và heo.

Thực hiện nghi thức tế lễ là vài ba vị già làng có uy tín, kinh nghiệm. Sau khi các già làng thực hiện xong những nghi thức hiến sinh (đọc lời khấn cúng thần linh, ông bà tổ tiên, đàn trâu, bò, dê...), bên cạnh Đống lửa to giữa sân lễ, đồng bào nhảy múa, ca hát, biểu diễn các loại nhạc cụ, các trò chơi dân gian, mời nhau uống rượu cần, ăn thịt nướng, các loại bánh, thức ăn... đã được các gia đình chuẩn bị trước từ nhà và mang đến chung vui. Không khí lễ hội thật tưng bừng, rộn rã. Các buôn làng lân cận cũng được mời đến tham dự. Người Mạ có tục "chia thịt" cho các thành viên trong



Nhạc sĩ Trần Viết Bình và Nghệ nhân Dân gian Ka Bào, xã Tà Lài, huyện Tân Phú.



Nhạc sĩ Trần Viết Bình và Nghệ nhân Ka Mịch, xã Hiệp Nghĩa, huyện Định Quán.

cộng đồng. Trong lễ đâm trâu, thịt của các con vật hiến sinh một phần được dùng nấu, nướng để người tham gia lễ hội cùng ăn, phần còn lại cắt ra thành từng miếng nhỏ và xâu vào trong que tre để chia cho từng gia đình trong làng. Thông thường, sau ba ngày, lễ hội kết thúc nhưng các vị lớn tuổi trong làng ăn uống cho tới ngày thứ bảy mới thôi.

So với trước đây, người Mạ không còn thờ cúng thần nhiều như trước, việc cúng viếng đã đơn giản đi rất nhiều, đặc biệt lễ cúng thần lúa, đâm trâu rất ít khi diễn ra. Một mặt do đời sống kinh tế còn khó khăn, đồng bào cũng có ý thức tiết kiệm, mặt khác nhiều người Mạ theo đạo Công giáo. Tin lành nên ảnh hưởng đến việc tổ chức các lễ hội dân gian hàng năm theo truyền thống. Tuy nhiên, có đôi lần lễ hội đâm trâu được Nhà nước hỗ trợ tổ chức, đồng bào rất náo nức, hào hứng hưởng ứng tham gia. Điều này chứng tỏ trong đời sống tâm linh của người Mạ, niềm tin vào các vị thần linh mà tổ tiên họ đã tôn trọng, thần phục vẫn còn tồn tại trong tâm tưởng của họ.



*Nghệ nhân Ka Mau,
xã Hiệp Nghĩa,
huyện Định Quán.*



*Nghệ nhân Ka Trang,
xã Hiệp Nghĩa,
huyện Định Quán.*



*Nghệ nhân Ka Rin, xã
Tà Lài, huyện Tân Phú.*



*Nghệ nhân Ka Đép, xã
Tà Lài, huyện Tân Phú.*

6. Văn hóa - nghệ thuật:

Người Mạ có kho tàng văn hóa rất phong phú và sống động. Vốn quý văn hóa người Mạ đã góp phần làm phong phú thêm văn hóa Đồng Nai, trong bối cảnh chung của khu vực, của quốc gia trong tính đa dạng, thống nhất.

Các công trình nghiên cứu cho thấy cư dân Mạ còn bảo lưu nhiều truyện cổ, thần thoại, truyền thuyết... gắn liền với lịch sử của dân tộc mình, phản ánh sự nhận thức của họ về vũ trụ, thế giới, thần linh, nguồn gốc tộc người, những cuộc đấu tranh của cộng đồng qua bao thời kỳ lịch sử. Qua đó, người Mạ cũng thể hiện niềm tự hào về sức mạnh của tộc người mình trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên để tồn tại và phát triển.

Người Mạ có những chuyện kể bằng vần điệu gọi là *Yalyau* như là bản trường ca tuyệt vời của họ, đề cập nhiều về thiên nhiên, về quan hệ xã hội, gia đình, những ước vọng sâu xa về cuộc sống, về tình yêu và hạnh phúc.

Hát đối đáp *Tămpôt* là lối hát giao duyên phổ biến ở vùng người Mạ, họ có thể

hát đến mấy ngày đêm không dứt. Nổi tiếng nhất là tình ca giữa chàng K'Yae và nàng Koong, biểu tượng của tình yêu chung thủy, cao đẹp của những đôi trai gái yêu nhau xứ Mạ. *Tămpôt* của K'Yae và Koong không chỉ nói về tình yêu giữa hai người mà còn phản ánh rất nhiều về xã hội Mạ: địa hình, núi non của xứ sở, những hoạt động lao động sản xuất... cũng được dùng để cụ thể hóa những cảm xúc trừu tượng của hai người.

Luật tục *N'dri* cũng là một sản phẩm văn học dân gian đặc sắc, gồm những câu nói có vần điệu, nội dung, ý nghĩa của nó không bao giờ thay đổi, đó là những quy ước xã hội là di sản văn hóa tinh thần của cả cộng đồng Mạ. Luật tục này không phải là một bộ luật của hệ thống mà mang hình thức là những câu phương ngôn, ngôn ngữ được lưu truyền và áp dụng thành quy tắc chung.

Một số thể loại văn hóa nghệ thuật quan trọng, đặc sắc khác của người Mạ vẫn còn được lưu truyền đến ngày nay như các bài ca dao, dân ca, đồng dao; các hình thức diễn xướng dân gian như múa, hát đối đáp, các trò chơi dân gian truyền thống... nhạc cụ của đồng bào Mạ cũng hết sức phong phú, đa dạng như tù và, sáo trúc, đàn tre, kèn bầu, kèn môi, cồng, chiêng... Do chưa có chữ viết nên việc trao truyền giữa các thế hệ đều thông qua truyền khẩu, hướng dẫn, chỉ dạy trực tiếp.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, hiện nay số người Mạ biết hát kể *Tămpôt*, biết hát dân ca, sử dụng nhạc cụ dân tộc... không còn nhiều. Để bảo tồn và phát huy vốn văn hóa phi vật thể quý báu này của cộng đồng Mạ, thời gian qua, nhiều công trình nghiên cứu, sưu tầm, truyền dạy, đào tạo, phục dựng... đã được các ngành chức năng thực thi và bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực. Đồng bào Mạ, đặc biệt là thanh niên đã quan tâm, yêu thích, học hỏi, phổ biến... các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống của dân tộc mình trong hoạt động văn hóa chung của cộng đồng các dân tộc anh em.



Nghệ nhân Ka Mịch,
xã Hiệp Nghĩa,
huyện Định Quán.



Nghệ nhân K' Nghĩa,
xã Hiệp Nghĩa,
huyện Định Quán.



Nghệ nhân Điểu Thị Mai,
xã Đồng Nai, huyện Bù
Đang, tỉnh Bình Phước.



Nghệ nhân Điểu Thị Oanh,
xã Đồng Nai, huyện Bù
Đang, tỉnh Bình Phước.

1. DÂN TỘC CHÂU RO

1. Tộc danh và lịch sử tộc người:

Tộc danh của người Châu Ro có nhiều cách gọi khác nhau. Tên tự gọi của dân tộc là *Chrau-Jro*, trong đó *Chrau* nghĩa là người hay nhóm người, còn *Jro* là một danh từ riêng chỉ cộng đồng của họ. Người Châu Ro còn có những tên gọi khác nhau như *Choro*, *Chrai*, *Joro*, *Doro*. Người Châu Ro ở Đồng Nai mang nhiều họ khác nhau, phổ biến là *Điêu*, *Thổ*, *Hồng*, *Văn*... Ngoài ra, còn có một số họ khác nhau như *Tông*, *Lâm*, *Đào*, *Nguyễn*...

Tộc người Châu Ro là lớp cư dân cư trú từ xa xưa ở miền núi Nam Đông Dương, là cư dân có mặt sớm nhất trên vùng đất Đồng Nai. Trước khi có mặt trên những địa bàn cư trú hiện nay, người Châu Ro phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi thấp nằm về phía Đông Nam của tỉnh Đồng Nai. Dựa trên kết quả của một số công trình nghiên cứu khảo cổ học và các nguồn thư tịch có liên quan, tộc người Châu Ro (cùng một số tộc người *Mạ*, *S'tiêng*, *Kơ Ho*...) là hậu duệ của cư dân *Môn-Khơme* và là dân bản địa sinh sống lâu đời ở Đông Nam Bộ ngày nay. Cuộc sống của các cư dân này đã có ít nhiều liên kết chặt chẽ nhằm quản lý khu vực sinh sống rộng lớn của mình.

Một số nguồn thư tịch, sử liệu khi ghi chép về Đồng Nai cách nay hàng thế kỷ đều đề cập đến nhóm cộng đồng dân tộc ít người được gọi là “*Mọi*”, “*Man sách*”. Nhiều công trình địa phương chỉ về vùng đất *Biên Hòa*, *Long Khánh* đầu thế kỷ XX còn liệt kê và chụp ảnh mà người dân tộc thiểu số cư trú trong đó có nhóm người Châu Ro ở vùng núi *Chứa Chan* (nay thuộc huyện *Xuân Lộc*), người Châu Ro ở vùng *Gia Canh* (nay thuộc huyện *Định Quán*). Trong hội thảo “*Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*”, bài nghiên cứu của PGS.PTS *Phan Xuân Biên* nêu rõ “xứ



Nhà dài của đồng bào Châu Ro, ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Nhà Văn hóa dân tộc Châu Ro, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc.



Nhà Văn hóa dân tộc Châu Ro, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc.

Đồng Nai được thành lập cách đây 300 năm bao gồm cả vùng đất Đông Nam Bộ và một phần Nam Tây Nguyên. Nơi đây, từ lâu là địa bàn cư trú của một số bộ phận cư dân Môn-Khơme, mà theo sự xác minh thành phần dân tộc học, đó là người Châu Mạ, Châu Ro, S'tiêng, Mơnông, Kơ Ho. Các cộng đồng dân tộc thiểu số này là hạt nhân cơ bản của vương quốc Mạ kéo dài từ vùng trung lưu đến hạ lưu sông Đồng Nai. Sau này, do áp lực của nhiều luồng di dân và do hoàn cảnh lịch sử xã hội vào khoảng thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX các dân tộc này đã lùi dần về phía thượng lưu sông Đồng Nai và vùng miền núi Đông Nam Bộ...".

Xưa kia, các thế hệ người Châu Ro đã phải trải qua nhiều biến động lớn. Khu vực cư trú thường là nơi tranh chấp triền miên của các tộc người láng giềng. Họ buộc phải di cư liên tục, cuộc sống không ổn định. Qua thời gian sống ở rừng núi, với môi trường ẩm ướt quanh năm, các phương tiện y tế thiếu thốn, phương pháp chữa bệnh lạc hậu... đã làm dân số của người Châu Ro giảm đi đáng kể.

Đặc biệt, từ khi thực dân Pháp lập các đồn điền cao su, người Châu Ro phải di chuyển địa bàn cư trú vào vùng rừng núi sâu, cách biệt môi trường giao lưu văn hóa với các tộc người khác. Đời sống kinh tế lệ thuộc nhiều vào các nguồn lợi tự nhiên. Điều kiện lao động vất vả, cộng với dịch bệnh và thú dữ, sự tồn tại của cộng đồng luôn bị đe dọa. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, người Châu Ro ở một số khu vực như Xuân Lộc, Long Khánh, Định Quán... bị dồn vào ấp chiến lược, dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Mỹ - ngụy. Thanh niên Châu Ro là nguồn lao động chính trong gia đình bị bắt đi lính, đi tải đạn, tải lương thực, địa bàn cư trú ngày càng thu hẹp khiến cuộc sống trở nên khó khăn hơn, dân số suy giảm nhiều trong giai đoạn này. Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng và Nhà nước đã thực thi nhiều chủ trương chính sách để đồng bào ổn định cuộc sống phát triển sản xuất, nâng cao trình độ dân trí về mọi mặt. Mặc dù trải qua nhiều thăng trầm, tộc người Châu Ro vẫn ra sức giữ gìn giá trị lịch sử văn hóa truyền thống phong phú, độc đáo của cộng đồng dân tộc mình, góp phần cùng các tộc người anh em khác tạo nên bản sắc văn hóa Đồng Nai hết sức đa dạng, đặc trưng.

Hiện nay, toàn tỉnh có 3.467 hộ người Châu Ro sinh sống, với nhân khẩu là 17.054 người (số liệu Ban Dân tộc tỉnh, tháng 06-2009), đứng hàng thứ 4 trong số các dân tộc đang sinh sống ở Đồng Nai. Những địa bàn tập trung đông đảo các hộ gia đình Châu Ro cư trú



Lớp dạy hát dân ca Châu Ro tại ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Nhạc sĩ Trần Viết Bình dạy hát dân ca cho thiếu nhi Châu Ro ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.

là các xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu), Túc Trưng (huyện Định Quán), Xuân Trường, Xuân Phú, Xuân Thọ (huyện Xuân Lộc), Xuân Vinh, Xuân Bình, Bàu Lâm (thị xã Long Khánh), Phước Bình, Phước Thái (huyện Long Thành)... Ngoài ra, còn một số hộ dân sống rải rác ở các xã, các nông trường cao su huyện Thống Nhất, Long Thành, Tân Phú, Long Khánh...

2. Cấu trúc xã hội gia đình:

Theo truyền thống, làng (Plây, Sóc, Đubây) là đơn vị hành chính của một tập hợp gia đình cùng dòng họ, cũng có thể thuộc vài tộc xen kẽ, nhưng phần lớn có quan hệ họ hàng với nhau. Mỗi làng thường có hơn chục dãy nhà dài. Mỗi dãy nhà dài là một gia đình lớn cùng tộc, chia làm nhiều gia đình hạt nhân. Các cặp vợ chồng sau khi lấy nhau họ lại nối phía sau căn nhà sàn dài để ở, mỗi khoang dành cho một hộ gia đình, ngăn cách nhau bằng vách liếp sơ sài. Khi chế độ gia đình tan rã, nhà sàn thay thế nhà dài. Mỗi làng Châu Ro lúc này có vài chục nhà sàn nhỏ, nằm rải rác ven rẫy hoặc bao quanh một khu đất rộng. Đứng đầu mỗi nhà dài là một vị trưởng họ gọi là ông đầu nhang. Đó là người già có uy tín, kinh nghiệm sản xuất và chiến đấu, được mọi người tuân phục cử ra, phụ trách việc nghi thức, nghi lễ cũng như quyết định các công việc chung trong họ tộc. Các vị trưởng họ họp thành hội đồng già làng đứng ra lãnh đạo và quyết định mọi việc trong làng. Chế độ mẫu hệ được xác lập và duy trì, vai trò của người phụ nữ luôn được coi trọng, con gái thường được quý hơn con trai.

Xã hội cổ truyền của người Châu Ro chưa có sự phân hóa giai cấp rõ rệt, không có sự tranh chấp đất đai giữa làng này với làng khác. Mỗi làng có tên gọi riêng, thường được gọi theo đặc điểm địa hình, sông suối, cây cối, động vật...

Tuy nhiên, đã từ lâu tên làng của người Châu Ro được gọi theo tiếng Việt. Người Châu Ro tính tình hiền hòa, đối xử bình đẳng, thân ái ít có tranh chấp, hiện tượng người bóc lột người không phổ biến.

Ngay từ thời thực dân Pháp cai trị, xã hội truyền thống của người Châu Ro có nhiều thay đổi. Hội đồng già làng không còn duy trì mà thay vào đó là hệ thống chính quyền do nhà nước thực dân lập ra. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, nhiều làng phải di cư tránh giặc, một số làng theo cách mạng kháng chiến, một số



Dàn chỉnh Châu Ro ở xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc.



Tốp ca "Kính thưa ông" - Huy chương Bạc, Liên hoan Dân ca Việt Nam toàn quốc - khu vực Nam Bộ, tại Long An 2009.

khác phải sống trong các ấp chiến lược. Sau ngày đất nước thống nhất, Nhà nước đã thực thi nhiều chính sách, chế độ để đồng bào định canh định cư, ổn định và phát triển cuộc sống. Trải qua bao năm tháng chiến tranh cùng với sự đổi mới của đất nước trong những thập niên gần đây, cấu trúc xã hội, gia đình của người Châu Ro có nhiều thay đổi. Ngày nay, một số làng đã thành ấp, vai trò của già làng đã chuyển sang trưởng ấp. Tuy nhiên, theo quan niệm của người Châu Ro, già làng vẫn giữ vai trò giải quyết các vấn đề của làng, các công việc trong gia tộc, nhắc nhở bà con chấp hành pháp luật. Về mặt xã hội, người Châu Ro sống theo khuôn khổ và tuân thủ sự quản lý của chính quyền, thực hiện theo hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, bình đẳng về mọi mặt với cộng đồng các dân tộc anh em khác. Trong sinh hoạt gia đình, chế độ phụ hệ dần được xác lập, quyền lực tập trung vào người chồng, tuy vậy nhiều ý kiến của người vợ cũng có tác dụng quyết định. Tàn dư chế độ mẫu hệ cư trú bên vợ còn khá phổ biến, con gái út thường ở với cha mẹ, quyền thừa kế tài sản vẫn thuộc về con gái. Chế độ đại gia đình tan rã, hình thành nên những tiểu gia đình vốn là những gia đình hạt nhân, gia đình tế bào trong cấu trúc gia đình truyền thống trước đây.

3. Hoạt động kinh tế:

Kinh tế truyền thống của người Châu Ro là kinh tế nương rẫy, đóng vai trò chủ đạo trong đời sống của đồng bào. Sống trong môi trường địa lý vùng rừng núi, sản xuất của người Châu Ro mang tính tự cung tự cấp và hoàn toàn dựa vào thiên nhiên. Họ du canh du cư, canh tác nương rẫy theo lối phát đốt, dùng cây chọc lỗ bỏ hạt giống. Thời vụ mùa màng thường bắt đầu vào khoảng tháng 03 âm lịch. Rẫy của người Châu Ro là rẫy đa canh. Ngoài lúa còn trồng nhiều loại cây khác như bầu, bắp, bí, mướp, thuốc lá, khoai mì, mè... Thời gian thu hoạch lúa và hoa màu thường là vào tháng 09, 10 âm lịch. Năng suất của rẫy tùy thuộc vào loại đất và thời tiết hơn là loại giống. Do kinh nghiệm còn thấp, kỹ thuật canh tác lạc hậu nên thu hoạch mùa màng của họ không cao như những thập niên gần đây, cuộc sống định canh định cư, tuy còn nhiều hạn chế nhưng đồng bào đã biết vận dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nông nghiệp. Ở những nơi có sẵn nguồn nước, việc thâm canh tiến hành từ hai đến ba vụ trong năm.

Ngoài thời vụ ruộng rẫy, người Châu Ro còn săn bắt thú rừng, hái lượm rau quả,

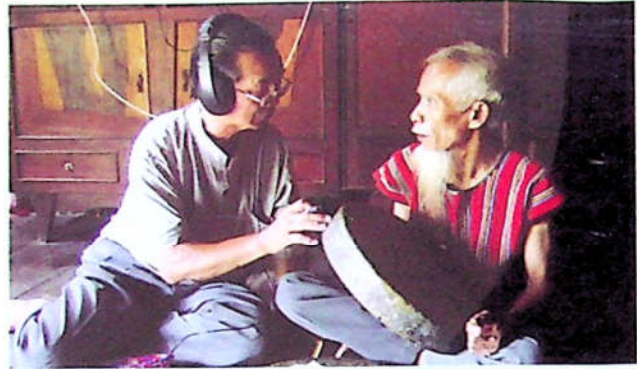


Lớp dạy hát dân ca Châu Ro ở xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc.



Nhạc sĩ Trần Viết Bình tại lớp dạy hát dân ca Châu Ro ở xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc.

đọt mây, măng rừng, dầu chai, lấy mật ong... bằng nứa, tên, lao, các loại bẫy, cây đào củ... đóng góp phần quan trọng trong đời sống kinh tế của mỗi gia đình. Nghề làm vườn, các hoạt động thủ công nghiệp, hình thức chăn nuôi gia súc gia cầm chưa phát triển, gia đình nào cũng biết đan lát bằng tre, mây, nứa... và đây là công việc rất thành thạo của nam giới người Châu Ro. Sản phẩm phổ biến của họ là các chũm loại gùi, sàng, nia, chiếu lòng, hộp gia dụng, vật dụng đánh bắt cá... Độc đáo nhất là chiếc võng đan bằng mây thật tinh xảo điêu luyện, rất được đồng bào ưa chuộng. Sản phẩm làm ra chủ yếu dùng trong gia đình chứ không bán. Nghề dệt thổ cẩm đến nay đã mai một dần theo thời gian. Kinh tế còn mang nặng tính tự cấp tự túc. Việc khai thác nguồn lợi tự nhiên của dân tộc người Châu Ro những thập niên gần đây bị thu hẹp dần cùng với quá trình thu hẹp của vốn rừng và sự mở rộng của kinh tế hàng hóa. Song việc thu hái lâm thổ sản vẫn có vị trí quan trọng của nhiều hộ dân, hỗ trợ thêm cho kinh tế nông nghiệp và góp phần cải thiện đời sống hàng ngày.



Nhạc sĩ Trần Viết Bình cùng già làng - Nghệ nhân Dân gian Năm Nổi ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Nhạc sĩ Trần Viết Bình ghi âm hát dân ca Châu Ro tại ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.

Ngày nay, nhờ chính sách dân tộc của Nhà nước, dân tộc Châu Ro cũng như các nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số khác được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi bằng nhiều hình thức để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Nhiều hộ dân tộc Châu Ro được vay vốn phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo một cách thiết thực. Con em người Châu Ro được đến trường học hành, văn hóa được đầu tư, các hoạt động xã hội nâng cao... Tuy nhiên, do tồn tại nhiều nguyên do mà đời sống kinh tế của đồng bào vẫn còn nhiều khó khăn, chỉ một số ít hộ thoát khỏi cảnh đói nghèo. Để đời sống kinh tế, xã hội của cư dân Châu Ro vượt qua ngưỡng cửa của đói nghèo, nâng cao dân trí, ngoài chính sách hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước, còn đòi hỏi sự nỗ lực của chính cộng đồng họ.

4. Phong tục - tập quán:

Theo phong tục, phục trang của người Châu Ro đơn giản: nam đóng khố, nữ mặc váy tấm tự dệt, ngực để trần hoặc áo cánh ngắn. Mùa lạnh họ khoác trên mình một tấm chăn. Nhưng ngày nay, đại đa số người Châu Ro ăn mặc theo kiểu của người Kinh. Phụ nữ đeo nhiều vòng trang sức bằng các chuỗi hạt cườm nhiều màu, tay đeo các loại vòng đồng, bạc hoặc nhôm.

Lương thực chính của người Châu Ro là gạo tẻ nấu trong nồi đất hoặc đồng. Đặc

biệt, có món cơm lam (cơm nếp đốt trong ống nứa non) thường được nấu trong các ngày lễ. Ngoài gạo, nếp còn có bắp, khoai mì, củ chup, củ nân,... thức ăn thường ngày là những loại rau quả, đọt măng, đọt mây, các loại cá thú săn bắt được. Nước uống được đựng trong các vỏ bầu khô. Rượu cần làm vào dịp cúng Yang, ma chay, cưới hỏi... Nam nữ đều thích hút thuốc lá sợi và ưa thích ăn trâu.

Trước đây, người Châu Ro cư trú trên những ngôi nhà sàn dài với hàng chục hộ trong một dòng họ cùng sinh sống, có vách lá đơn sơ ngăn tượng trưng. Nhà lợp bằng tranh hay các loại lá rừng. Sàn và vách thường làm bằng nứa được bổ banh đập dập, vách dựng leo dần từ dưới sàn lên đến mái nhà không có vì kèo. Cửa ra vào mở ở đầu hồi, lên xuống bằng cầu thang bậc. Vài thập niên trở lại đây nhiều đồng bào ở nhà trệt với từng hộ gia đình riêng lẻ, có tiếp thu lối kiến trúc nhà của người Kinh. Kho chứa lúa nhỏ làm cách xa ở phía sau sân nhà nhằm giữ sự trong sạch và lòng tôn kính đối với thần lúa.

Phương tiện vận chuyển chủ yếu là các loại gùi đeo sau lưng đan bằng tre, mây, hai quai gùi quàng vào đôi vai. Đây là vật dụng vận tải đa năng gắn bó khăng khít với mỗi người như hình với bóng.

Trong hôn nhân, kiêng kỵ lớn nhất của người Châu Ro là hôn nhân cùng dòng họ, nói cách khác là ngoại hôn dòng họ là nguyên tắc bắt buộc đối với nam nữ Châu Ro. Từ xưa đến nay, người Châu Ro kết hôn dựa trên cơ sở tự do luyến ái, trai gái lớn lên được tự do tìm hiểu, yêu đương. Cũng như nhiều tộc người thiểu số khác, người Châu Ro có tục ngủ chung trước khi cưới. Sau vài đêm “chọc gậy” từ phía dưới sàn nhà nơi cô gái nằm và được cô gái lên cha mẹ cho vào ngủ chung, họ sẽ tiến tới hôn nhân khi được gia đình hai bên chấp nhận. Hôn nhân của người Châu Ro mang đậm đặc trưng mẫu hệ. Lễ vật thường là các loại vòng trang sức, trâu cau, rượu cần, công, chiêng, ché, trâu bò, các đồ dùng sinh hoạt... Hôn lễ được tổ chức bên nhà gái, lễ nghi không rườm rà. Sau khi tiến hành đám cưới, cô dâu về bên nhà trai ba đêm để làm quen với bà con dòng họ bên gia đình nhà chồng. Sau đó, chàng trai đưa cô gái về nhà bố mẹ vợ và ở rể tại đó, khoảng hai năm thì được chia của và ra ở riêng. Chế độ một vợ một chồng được xác lập khá bền vững, rất ít khi ly hôn. Ngày nay, trai gái Châu Ro cũng được tự do tìm hiểu để đi đến hôn nhân nhưng nghi thức trong lễ cưới truyền thống không còn được duy trì. Phần lớn tổ chức đám cưới theo nghi thức hiện đại kiểu người Kinh hoặc theo nghi thức tôn giáo mà



Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới trong đêm giao lưu tại ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc.



Đồng bào Châu Ro, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, biểu diễn giao lưu với Trường Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai.

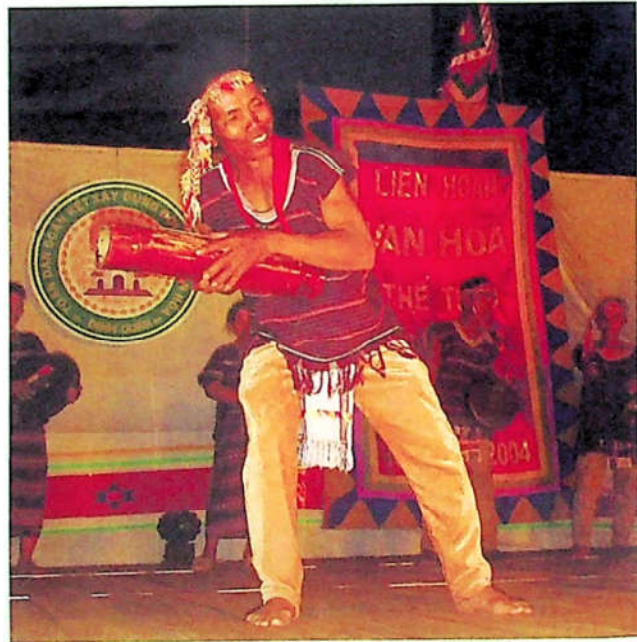
gia đình đang theo.

Việc sinh đẻ, chăm sóc sản phụ và nuôi dưỡng con cái của người Châu Ro chủ yếu dựa trên những kinh nghiệm của cuộc sống, kiến thức y học dân gian và những kiêng kỵ liên quan đến tín ngưỡng. Trong quá trình mang thai, đến khi sinh đẻ có lắm điều kiêng cử. Sản phụ khi sinh được bố trí ở ngoài chòi riêng, sau 09 ngày mới được vào nhà, mọi việc ăn uống, giặt giũ đều do người chồng hoặc chị em giúp. Mỗi lần sinh con thì người chồng lại làm một cái chòi mới, khi dùng xong thì phá bỏ, không dùng cho lần sau. Theo quan niệm của người Châu Ro, nếu đẻ phụ nữ sinh trong nhà sẽ làm ô uế nơi thờ tự của cộng đồng. Tổ tiên, các vị thần sẽ giận, gây bệnh tật, mùa màng thất bại. Khi trong nhà có phụ nữ sinh, người Châu Ro cấm một cành cây tươi trước cửa nhà để cấm người lạ. Họ rất kiêng kỵ điều này vì sợ ma quỷ sẽ theo khách vào nhà quấy nhiễu đứa trẻ còn non nớt. Khi đặt tên đứa trẻ, người nhà tổ chức lễ cúng tạ bà mụ và lựa tên, sau đó cúng các thần linh, tổ tiên khẩn cầu sự phù hộ, độ mạng cho đứa trẻ mau lớn.

Theo quan niệm của người Châu Ro, bên cạnh thế giới của người sống là thế giới của người chết. Vì vậy, trong tang ma, người Châu Ro tuân theo nhiều nghi lễ vừa tỏ lòng thương tiếc người mất, vừa là nghi lễ tiễn đưa người mất sang thế giới khác. Tùy theo điều kiện từng gia đình mà nghi thức đám tang cầu kỳ hay đơn giản. Người Châu Ro theo tập quán thổ táng. Quan tài là khúc cây to được khoét rỗng lòng. Những gia đình khó khăn thì họ bó xác chết bằng chần, chiếu và nẹp tre. Quan tài khi đập nắp, đồng bào thường dùng hỗn hợp đất sét trộn với cơm nếp giã nhuyễn làm chất kết dính giữa nắp và phần áo quan, sau đó dùng dây mây xoắn, xiết chặt để hơi không xì ra ngoài. Thi hài được quản trong nhà khoảng từ 03 đến 05 ngày để người thân tỏ lòng tiếc thương. Với quan niệm người chết sẽ sống ở một thế giới khác nên họ cũng được chia của như chà gạc, gùi, ché, chiêng, ná, đồ trang sức, y phục... và các vật dụng trên đều bị phá hư đi một phần. Sau khi an táng xong, những người đưa tang đều tắm rửa sạch sẽ trước khi vào nhà. Ba ngày đầu, họ tổ chức mở cửa mả và cúng cơm cho người chết đủ 100 ngày. Người Châu Ro có tục làm nhà mồ, họ làm cho từng ngôi mộ riêng, không có trang trí ở xung quanh, chỉ có mái che bằng cỏ tranh dựng trên bốn cây cột, không có vách che. Cột nhà mồ được làm kiên cố bằng các loại



Dàn chiêng Châu Ro ở xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc.



Nghệ nhân Điều Liệt hát dân ca - Huy chương Vàng Liên hoan Dân ca Việt Nam toàn quốc tại Hà Nội 2005.

gỗ tốt, sau này do điều kiện khó khăn, người ta làm bốn cột bằng tre, tầm vông hoặc các loại cây có sẵn. Nhà mồ chỉ làm một lần, nếu bị hư hỏng họ không làm lại.

Trong cuộc sống, người Châu Ro có lắm điều kiêng kỵ, đặc biệt là trước những công việc quan trọng. Theo thời gian, những tập tục, lễ nghi của đồng bào ngày càng được cải biến dần trong quan hệ giao lưu tiếp biến với cộng đồng dân tộc anh em, đặc biệt là sự ảnh hưởng của văn hóa người Kinh và nghi lễ của các tôn giáo. Những thủ tục lạc hậu bị loại bỏ dần để tiếp thu cái mới. Tuy nhiên, trên bình diện nào đó, những quan niệm, tập tục truyền thống vẫn còn tác động, ảnh hưởng nhất định đến đời sống tinh thần cũng như hoạt động xã hội của đồng bào.

5. Tín ngưỡng - lễ hội:

Người Châu Ro tin mọi vật đều có linh hồn và tin vào sự chi phối con người của thế giới thần linh. Đó chính là nguyên nhân của những điều kiêng kỵ và các lễ cúng tế. Người Châu

Ro quan niệm rằng có hai thế giới tồn tại: thế giới thứ nhất là cuộc sống của con người, là vạn vật trên trái đất mà con người cảm nhận được. Thế giới thứ hai là của quyền lực thiên nhiên, của ma quỷ, của các vị thần... Chính thế giới thứ hai mới thiêng liêng và quyết định cuộc sống của con người. Thầy cúng, bà Bóng là cầu nối giữa con người với các đấng thần linh. Người Châu Ro gọi thần linh là *Yang*. Hệ thống thần linh được thờ rất phong phú: *Yang lúa* (Yang Va), *Yang nhà* (Yang Vri), *Yang suối* (Yang Dal), *Yang rẫy* (Yang Re)... và tổ chức nhiều lễ cúng như khi dọn rẫy mới, mở đầu mùa vụ, thu hoạch lương thực, cất nhà mới, bệnh tật, gia đình gặp nạn, lỡ vi phạm luật lệ cộng đồng. Người Châu Ro quan niệm ma quỷ là do người ác lúc chết đi hóa thành. Trong số các ma quỷ, người Châu Ro ghét nhất là *ma lai* (Chaq). Ma lai là người sống, như người bình thường nhưng khi đêm đến hay đi gây ra những điều quái ác với những thành viên trong cộng đồng, gây nên những tai họa, bệnh hoạn... Nếu trong làng có người bị cho là ma lai thì sẽ bị cộng đồng giết chết.

Trong các loại Yang, người Châu Ro xem trọng nhất là *Yang nhà*, *Yang lúa*, *Yang rừng*. Đây là những thần linh có tác động trực tiếp và gần gũi trong cuộc sống của họ. Yang nhà được xem là chủ thể che chở nuôi mạng sống, che chở cho gia đình, dòng họ



Nghệ nhân Điếu Được,
xã Túc Trưng,
huyện Định Quán.



Nghệ nhân Dương Thị Mười,
xã Ngãi Giao, huyện Châu
Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.



Nghệ nhân Hồng Thị
Dư, ấp Lý Lịch, xã Phú
Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Nghệ nhân Dương Văn Khánh,
xã Ngãi Giao, huyện Châu
Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

vì vậy trong bất kì lễ cúng nào cũng đều trình lễ cúng qua Yang nhà trước. Yang nhà được cúng bất kì thời điểm nào trong năm. Yang rừng được cúng trước mùa mưa, không ấn định được thời gian cụ thể. Lễ cúng Yang lúa được tiến hành theo định kì trong năm, khi đã thu hoạch xong mùa vụ và bắt đầu mùa vụ mới, thường vào khoảng tháng 02 - 03 âm lịch. Đây là lễ hội lớn nhất của cộng đồng và để lại những dấu ấn về lễ nghi nông nghiệp của người Châu Ro. Trước đây, khi tính cộng đồng còn chặt chẽ, thể chế nhà dài tồn tại thì đây là ngày hội chung của buôn làng, thường kéo dài tới 02 - 03 ngày đêm nhưng về sau đã trở thành lễ cúng riêng lẻ của từng hộ gia đình. Các loại bánh như bánh dày trộn mè, bánh ống, cơm lam, rau diếp, ớt mây, thịt nướng, rượu cần... được mọi nhà chế biến để mời khách chung vui.

Ngày nay, nhiều người dân Châu Ro đã theo đạo Công giáo, Tin lành. Hầu hết những người theo đạo này tập trung vào huyện Định Quán, Xuân Lộc, Long Khánh,... Họ đã bỏ các thủ tục nghi lễ truyền thống như lễ cúng thần lúa, thần rừng, tổ tiên... thay vào đó họ đi lễ nhà thờ đều đặn vào các ngày cuối tuần.

6. Văn hóa nghệ thuật:

Vốn văn nghệ dân gian của người Châu Ro rất phong phú, đa dạng, với nhiều thể loại: truyện kể, thơ ca trữ tình, múa hát đối đáp, nhiều loại hình nhạc cụ. Các câu tục ngữ, phương ngôn đúc kết các kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, kinh nghiệm về thiên nhiên cuộc sống xã hội. Qua các câu chuyện kể, các thể loại văn nghệ dân gian, người Châu Ro muốn phản ánh quá trình lao động chinh phục thiên nhiên và đấu tranh xã hội của mình, phản ánh tư tưởng, tình cảm khát vọng no ấm, bình yên của người lao động bằng những tư duy sáng tạo và những phương pháp thể hiện riêng. Đồng thời, những yếu tố chung của văn nghệ dân gian của dân tộc Việt Nam và khu vực Đông Nam Á cũng có mặt trong các truyện kể của người Châu Ro, trong các câu hát đối đáp trong tiếng công, chiêng... Loại hình nghệ thuật múa, hát, nhạc của người Châu Ro thường được kết hợp, thể hiện trong những lễ hội cộng đồng và được lưu truyền theo lối truyền khẩu (hát), thực tiễn hoạt động lễ hội (múa) và trong các sinh hoạt thường ngày. Thế nhưng lễ hội



Nghệ nhân Hồng Thị Lịch, ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Nghệ nhân Điểu Thị Lép, xã Túc Trưng, huyện Định Quán.



Nghệ nhân Nguyễn Thị Sứ, ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Nghệ nhân Điểu Thủy, xã Hiệp Nghĩa, huyện Định Quán.

ngày càng ít được tổ chức, nhạc cụ lưu giữ không còn nhiều, vì thế, chính cộng đồng Châu Ro cũng không có nhiều cơ hội để hưởng thụ. Những bậc cao niên am hiểu vốn quý văn hóa ngày càng ít đi trong khi lớp trẻ lại không mấy mặn mà với loại hình nghệ thuật này.

Hầu hết những bài hát của dân tộc Châu Ro chỉ còn một số ít người lớn tuổi còn nhớ. Họ hát khi ru con, khi đi rẫy, đi rừng và thể hiện nhiều nhất là trong các dịp lễ hội. Lời hát mộc mạc nhưng chứa chan tình cảm phản ánh tâm tư, khát vọng, mối quan hệ giữa các thành viên, phản ánh nhịp sống của cộng đồng trong các sinh hoạt thường nhật. Múa là một trong những vốn văn nghệ dân gian còn lưu giữ được, tuy không nhiều và phổ biến nhưng là nét sáng tạo của cộng đồng Châu Ro. Các động tác múa phản ánh cuộc sống lao động sản xuất, mang sắc thái của môi trường sinh sống, thể hiện các mối quan hệ, những tâm tư tình cảm cộng đồng...

Nhạc cụ của người Châu Ro gồm nhiều loại, trong đó nổi bật và phổ biến là bộ công (6 chiếc) và chiêng (7 chiếc), ngoài ra còn có đàn tre, kèn môi, kèn bầu, kèn lá... Các loại nhạc cụ thường được sử dụng rộng rãi trong các dịp lễ hội, làng hoặc gia đình có việc vui với sự tham gia biểu diễn của nhiều nghệ nhân am hiểu nhạc cụ cũng như tiết tấu của từng làn điệu.

Sau ngày đất nước thống nhất, cộng đồng Châu Ro nói chung và đời sống văn hóa nghệ thuật nói riêng được Nhà nước quan tâm đầu tư, phát triển. Nhiều đề tài nghiên cứu về văn hóa tộc người Châu Ro được thực thi, các lớp dạy đánh công chiêng được tổ chức, các lễ hội truyền thống được khôi phục và duy trì, vốn văn nghệ dân gian được nghiên cứu, sưu tầm... đã phát huy hiệu quả trong việc bảo tồn và phát huy tác dụng các giá trị văn hóa của đồng bào Châu Ro.

Dân tộc Châu Ro có truyền thống đấu tranh cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đồng bào đã sát cánh cùng người Kinh và các dân tộc anh em khác kiên cường chiến đấu cho đến ngày đất nước thống nhất. Tên tuổi của các anh hùng Điểu Xiêng, Điểu Cải, Bà mẹ Việt Nam anh hùng Điểu Thị Thẹo, Bình Thị Yên... và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang của xã Phú Lý... đã góp phần làm rạng danh tộc người Châu Ro trong cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai và trên cả nước.



Già làng - Nghệ nhân Dân gian Năm Nổi, ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Nghệ nhân Điểu Thị Khét, xã Túc Trưng, huyện Định Quán.



Nghệ nhân Hồng Thị Dế, ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Nghệ nhân Điểu Thị Đẹp, xã Túc Trưng, huyện Định Quán.

D. DÂN TỘC S'TIÊNG

1. Tộc danh và lịch sử tộc người:

Người S'tiêng sinh tụ lâu đời ở vùng Trường Sơn – Tây Nguyên và vùng miền Đông Nam Bộ. Địa bàn cư trú phổ biến là các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, ngoài ra họ còn phân bố ở Lâm Đồng, Đồng Nai. Họ sống xen kẽ với các tộc người Kinh, Khơme, Chăm, Mạ, Mnông... Người S'tiêng có nhiều tên gọi khác nhau như: *Xadiêng, Bu Lơ, Bu Đip, Bu Dêh, Bu Lanh, Tà Mun, Bà Rá, Ray, Dalmer, Bu Le...* Cũng có người phân chia thành bốn nhóm: Bu Đip, Bu Dêh, Bu Lanh, Bu Lơ nhưng thật ra chỉ có hai nhóm chính: nhóm Bu Lơ sinh sống ở vùng cao, thượng du và nhóm Bu Dêh tụ cư ở vùng thấp, vùng đồng bằng. Hiện nay, tên gọi tộc người này được thống nhất là *Sitêng* (còn viết tắt là *S'tiêng*), chưa có chữ viết riêng, tiếng nói có nhiều nét gần gũi với các tộc người Mạ, Kơ Ho... nên hiện tượng song ngữ S'tiêng – Việt cũng rất phổ biến. Thời kỳ thực dân Pháp cai trị, một số học giả Pháp phiên âm La tinh hóa tiếng S'tiêng nhưng thứ chữ này không phổ biến trong đồng bào.

Trong cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn Đồng Nai, người S'tiêng có 281 hộ với 1344 khẩu (số liệu của Ban Dân tộc tỉnh, tháng 6/2009), xếp thứ 11/40 dân tộc anh em. Những huyện có người S'tiêng sinh sống là Tân Phú (121 hộ, 570 khẩu), tập trung đông nhất ở xã Tà Lài; Xuân Lộc (103 hộ, 497 khẩu), ở xã Xuân Hưng và Long Thành (48 hộ, 232 khẩu), ở xã Tân Hiệp.

Dân tộc S'tiêng có tinh thần thượng võ, nhanh nhẹn, ưa thích săn bắt, rất hiếu khách. Họ đấu tranh kiên cường, kề vai sát cánh cùng người Kinh, Mạ, Châu Ro... đứng lên chống quân xâm lược khiến địch nhiều phen hoang mang, lo lắng, chịu nhiều tổn thất. Đồng bào S'tiêng ở Bù Cháp (xã Tà Lài) trong suốt hai thời kỳ kháng chiến



Ấp Bù Cháp, xã Tà Lài, huyện Tân Phú.



Sóc Ba Buông, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc.

chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giải phóng dân tộc, đã một lòng đi theo cách mạng, khi địch càn quét gom dân thì họ vào rừng chứ không chịu vào ấp chiến lược, cùng sát cánh với các dân tộc anh em khác ở Đồng Nai chiến đấu cho đến ngày đất nước hoàn toàn thống nhất.

2. Cấu trúc xã hội – gia đình:

Người S'tiêng gọi làng là *Sốc*, *Bòn*, *Bù*. Theo tổ chức xã hội truyền thống, làng là đơn vị bao trùm và nổi bật, trong tự quản ở làng thì vị già làng và các bậc cao niên có uy tín, đạo đức đóng vai trò quan trọng đặc biệt... Từ thời Pháp thuộc, công việc hành chính do chủ làng (gọi là ông cả, ông sếp) đảm nhận. Mỗi làng xưa kia có vài dãy nhà dài hoặc vài chục ngôi nhà nhỏ. Do phương thức sản xuất du canh du cư nên vị trí làng không cố định. Hiện nay, tình trạng này đã chấm dứt do Nhà nước thực hiện chính sách định canh định cư. Quản lý hành chính cũng theo hệ thống chính quyền hiện thời.



Khu nhà của đồng bào S'tiêng mới được cấp ở xã Tân Hiệp, huyện Long Thành.

Trong xã hội người S'tiêng, mỗi cặp vợ chồng và con cái là một *bếp* (*nak*). Nhiều bếp hợp thành một *nhà* (*yau*), mỗi nhà có một tộc trưởng (tom yau) cai quản công việc trong ngôi nhà dài của mình. Càng về sau, số nhà càng tăng do việc tách hộ ở riêng và các dãy nhà dài trong làng dần mất đi. Mỗi người không chỉ thuộc về một bếp, một nhà, một làng mà còn là thành viên của một dòng họ nhất định và nằm trong các mối quan hệ khác nhau.

Tuy chưa phân hóa giai cấp rõ nét nhưng cấu trúc xã hội xưa kia của người S'tiêng được chia làm ba hạng: thân hào, thường dân và nô lệ. Nhóm thân hào gồm các vị tộc trưởng, cả sếp là người chủ làng rất có quyền hành, được mọi người trọng nể. Nô lệ (*Dik*: gọi là tôi đòi, người ở) là những tù binh bị bắt trong các cuộc giao chiến với các bộ tộc khác, là những người vay nợ nhưng không trả nổi phải đi ở đợ để trả



Tục cạo răng, cạo tai xưa.

dần... Hiện nay, nô lệ trong xã hội người S'tiêng không còn.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, chế độ theo dòng mẹ của người S'tiêng dần dần bị chế độ theo dòng cha thay thế. Gia đình S'tiêng hiện nay là gia đình nhỏ phụ hệ. Người đàn ông làm chủ, quyết định mọi việc và có trách nhiệm lo cho cả nhà. Tàn dư của chế độ mẫu hệ mờ nhạt trong tộc người S'tiêng, tuy nhiên trong gia đình người phụ nữ cũng có vai trò quyết định. Con cái thường theo họ cha, cưới xong vợ về nhà chồng (nếu chàng trai đã nạp đủ sính lễ) tuy nhiên hình thức cư trú song phương của đôi vợ chồng vẫn còn.

Cũng như các tộc người anh em khác, người S'tiêng có tinh thần đoàn kết chặt chẽ tương trợ nhau trong cuộc sống, rất mến khách. Một gia đình có công việc gì, cả cộng đồng sẵn sàng tham gia giúp đỡ, giải quyết. Khách tới làng được mọi người tiếp đãi niềm nở.

3. Hoạt động kinh tế:

Cho đến nay người S'tiêng làm nương rẫy, du canh tuy nơi ở tương đối ổn định. Đến mùa làm nương rẫy, bà con dựng chòi tại rẫy để đỡ mệt công đi lại, tiện chăm sóc lúa và hoa màu. Trước khi dọn rẫy, họ làm lễ cúng để cầu mong thần linh cho được mùa bội thu. Lúa rẫy có nhiều giống khác nhau, được trồng theo lối phát - đốt - chọc - tĩa. Công cụ làm rẫy cũng giống như người Mạ, nương rẫy của người S'tiêng ngoài việc trồng lúa là cây lương thực chính còn xen canh các loại cây khác như bắp, thuốc lá, bầu, mướp, mè, bông... Ở những vùng đất trũng ven sông, suối, họ cũng làm ruộng lúa nước nhưng chưa biết dùng phân, vì ruộng ít nên cuốc đất là chính. Kết quả mùa màng phụ thuộc lớn vào thiên nhiên và vào việc bảo vệ trước sự phá phách của chim muông, thú rừng.

Ngoài lúc làm ruộng rẫy, đàn ông S'tiêng thường đi săn bắn thú rừng. Công cụ săn bắn chính là ná và tên có tẩm thuốc độc pha chế tổng hợp từ nhiều loại cây rừng. Người S'tiêng săn bắn rất giỏi, từ các loại thú rừng như: nai, mễn, voọc, heo rừng... đến các loài thú lớn như voi, gấu, hổ... Họ cũng biết sử dụng thành thạo các loại bẫy để bắt nhiều loại thú khác. Vào mùa khô, bà con thường bắt cá dưới suối bằng cách dùng rễ cây hoặc lá cây độc giã nát rồi thả xuống khúc suối, cá trúng độc sẽ nổi lên. Việc hái lượm săn bắn, đánh bắt cá... đem lại nguồn lợi quan trọng trong cuộc sống



Nhóm dịch lời Việt ở xã Tân Hiệp, huyện Long Thành.



Đội chinh S'tiêng xã Tà Lài, huyện Tân Phú.

thường ngày của đồng bào. Gia súc, gia cầm cũng được đồng bào nuôi khá nhiều, chủ yếu là trâu, bò, lợn, gà, vịt..., hình thức mua bán truyền thống là vật đổi vật.

Nghề thủ công dệt thổ cẩm xưa kia của người S'tiêng rất phát triển. Phụ nữ S'tiêng khéo tay nên thường dệt được nhiều kiểu thức hoa văn đẹp. Ngày nay, nghề thủ công truyền thống này không còn được duy trì. Đàn ông S'tiêng đan các loại gùi, chiếu, hộp gia dụng... chủ yếu để sử dụng trong gia đình. Nghề rèn công cụ trước đây khá phát triển nhưng nay đã mai một. Kinh tế của đồng bào S'tiêng vẫn còn mang nặng tính tự cấp tự túc, chưa làm ra sản phẩm hàng hóa trao đổi bên ngoài, cuộc sống của đồng bào nhìn chung vẫn còn thấp.

4. Phong tục - tập quán:

Trong cuộc sống thường nhật, người S'tiêng ăn cơm tẻ, cơm nếp, thực phẩm thường ngày chủ yếu là những thứ kiếm được trong rừng và sông suối. Họ thích ăn đồ nướng và đồ sống. Xưa kia, họ có tục ăn bốc nhưng gần đây việc sử dụng đũa, bát... đã trở nên phổ biến. Thức uống truyền thống là nước lã đựng trong các ống nứa, vỏ bầu khô. Rượu cần rất được ưa thích và được làm vào các dịp vui trong gia đình, dòng họ, buôn làng. Vỏ bầu khô được sử dụng phổ biến không chỉ để đựng nước, rượu mà còn được chế tác có hình dạng thích hợp để đựng thức ăn, cơm, canh... Họ hút thuốc rất nhiều bằng tẩu nhưng loại tẩu này đến nay không còn phổ biến nữa.

Hình thức cư trú kiểu nhà sàn dài giống như dân tộc Châu Ro, Mạ và về sau này cũng có sự thay đổi theo xu hướng chung, nhà sàn dài không còn, mỗi hộ gia đình sống riêng lẻ với từng ngôi nhà tách biệt, sự xuất hiện của ngôi nhà trệt ngày càng nhiều. Hoa màu thu hoạch về không còn cất riêng ngoài kho lúa mà để chung trong nhà chính.

Xưa kia, đàn ông S'tiêng quanh năm đóng khố, ở trần, phụ nữ mặc áo, quần váy, phụ nữ nghèo ở nhiều nơi cũng dùng khố. Ngày nay, cách ăn mặc giống như người Kinh. Họ rất thích đeo đồ trang sức bằng các loại vòng, chuỗi hạt cườm, lục lạc, thậm chí một cánh tay đeo tới trên 20 chiếc vòng nhôm hay bạc, có cả loại vòng ống quần từ sợi dây đồng dài ôm quanh ống chân, ống tay. Loại hoa tai lớn bằng ngà voi rất được ưa chuộng.

Người S'tiêng cũng có tục cà răng, cắn tai nhưng những thập niên gần đây cổ



Đội chiêng S'tiêng xã Tân Hiệp, huyện Long Thành.



Đội múa S'tiêng xã Tà Lài, huyện Tân Phú.

tục này không còn lưu truyền trong cộng đồng và trở thành xa lạ với lớp trẻ hiện nay.

Trai gái S'tiêng lớn lên được tự do tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Hôn lễ được cử hành bên nhà gái sau khi đã trải qua các bước dạm hỏi, đám nói với nhiều lễ vật khá tốn kém. Người làm chứng trong lễ cưới đọc lời khấn thần linh, ông bà tổ tiên về chứng kiến, phò trợ, ban sự may mắn, hạnh phúc cho đôi vợ chồng và buộc chỉ cổ tay đôi tân hôn ngụ ý hai người cùng chung sống trọn đời với nhau. Thông thường, nếu nhà trai có đủ của cải, sính lễ theo yêu cầu, cô dâu sẽ về ở nhà chồng, nhưng thực tế phần đông phải ở rể do chưa có đủ sính lễ (ché quý, chiêng, công, trâu, heo...). Sau này, khi có điều kiện, đôi vợ chồng tổ chức đám cưới lại đãi nhà gái trâu, heo... Đến đây, mới kết thúc một đám cưới S'tiêng đúng theo phong tục đích thực. Người S'tiêng theo chế độ đa thê, người đàn ông có của cải muốn lấy bao nhiêu vợ cũng được miễn là nạp đủ sính lễ cho bên nhà gái. Ngày nay, chế độ một vợ một chồng được xác lập bền vững. Hình thức hôn nhân con cô con cậu được cộng đồng cho phép. Người S'tiêng cũng có tục "nối dây", nếu vợ hoặc chồng chết, có quyền tái hôn với em vợ hoặc em chồng. Trường hợp tái hôn với chị vợ hoặc anh chồng sẽ bị phạt vạ nặng. Ngoại tình sẽ bị cộng đồng lên án và người vi phạm là phụ nữ bao giờ cũng bị phạt vạ nặng hơn người đàn ông.

Phụ nữ ngay từ khi mang thai đã phải kiêng cử cẩn thận. Việc sinh nở xưa kia phụ nữ tự xoay xở ngoài rừng một mình. Ngày nay, nhiều người ở vùng có tập quán dựng kho thóc trong nhà vẫn ra sinh ở ngôi nhà nhỏ được dựng gần bên nhà ở, bởi họ cho rằng nếu sinh ở trong



Trang phục thổ cẩm của người S'tiêng ở xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc.



Khố trong trang phục thổ cẩm của người S'tiêng ở xã Tân Hiệp, huyện Long Thành.

nhà sẽ xúc phạm đến thần lúa, khi sinh xong sẽ phải cúng một con heo cho thần lúa. Sau khi sinh vài ngày, theo phong tục cổ truyền, người mẹ bỗng đưa trẻ ra suốt tắm. Sau 07 ngày, sản phụ và đứa bé được đón vào nhà chính và làm lễ cúng mừng đứa bé ra đời. Nhà có người sinh sẽ cấm cành cây trước cửa để cấm người lạ vào nhà sợ ma quỷ theo người tới thăm gây điều xấu cho mẹ và bé.

Khi trong nhà có người chết, dân trong làng cùng đến phụ lo tang lễ. Quan tài là gỗ độc mộc từ cây rừng. Nếu chết bình thường thì chôn trong nghĩa địa của làng. Trong quan tài, cùng với tử thi người nhà bỏ một ít gạo, thuốc lá... Những ché, nồi, gùi, vật dụng sinh hoạt... được chia cho người chết đều để ở trên và xung quanh mộ. Sau ba ngày, tang chủ lễ cúng mở cửa mả cho người chết và đây là lễ cúng cuối cùng. Người S'tiêng không có tục thăm viếng mồ mả người thân. Có người chết, cả làng gõ cồng chiêng và tổ chức các cuộc cúng, lễ trong khoảng 07 ngày. Những trường hợp chết bất bình thường phải cúng kiếng tốn kém hơn, kiêng cử nhiều hơn, lễ tiến hành ngoài khu gia cư của làng và không được chôn vào nghĩa địa của làng.

5. Tín ngưỡng - lễ hội:

Đồng bào S'tiêng tin rằng con người, con vật, cây cối cũng như muôn vật đều có siêu nhiên, tựa như “linh hồn”. Thần linh cũng hiện hữu rất nhiều trong thế giới xung quanh họ.

Ở mỗi làng của người S'tiêng đều có miếu nhỏ dành thờ thần *Neaktà*. Họ dùng gỗ hoặc đá để mô phỏng, hình tượng hóa vị thần này và đặt trong miếu thờ. Miếu thờ thường đặt ở đầu làng, ở gốc cây to hoặc ngã ba ngã tư nơi đồng bào thường qua lại. Đôi khi ở trong rừng người ta cũng dựng miếu thờ vị thần này. Theo một số nhà nghiên cứu thì *Neaktà* là vị thần Khơme mà người S'tiêng vay mượn trong quá trình giao lưu.

Người S'tiêng còn thờ thần mặt trời, thần sấm sét cai quản đất đai; thần mặt trăng coi sóc việc gặt hái và cây cối; thần núi, thần lúa, thần rừng, thần suối... Thần lúa được đồng bào hình dung là người phụ nữ trẻ và đẹp. Họ cũng rất tin có sự hiện hữu của thế giới ma quỷ chuyên đi gây hại cho con người nhưng không có thầy phù thủy để



Thổ cẩm của người S'tiêng ở ấp Bù Cháp, xã Tà Lài, huyện Tân Phú.



Thổ cẩm của người S'tiêng ở xã Tân Hiệp, huyện Long Thành.

diệt trừ tà ma, mỗi làng thường có một vài vị là bà bóng, thầy cúng chuyên lo việc bói toán, cúng bái cho các gia đình thành viên trong làng khi hữu sự.

Trong các lễ cúng, các vị thần hoặc các lực lượng siêu nhiên nói chung được nhắc đến rất nhiều trong lời khấn để cầu xin, hay tạ ơn, hay thông báo điều gì đó. Lễ vật hiến tế thường là rượu, gà, lợn, trâu, bò. Đồng bào quan niệm số lượng vật hiến tế càng nhiều và con vật càng lớn chứng tỏ lễ cúng càng to, thần linh càng quyền thế, quan trọng, đồng thời lòng thành, nguyện ước, cầu mong của họ được thần linh chứng giám nhiều hơn.

Trong năm, người S'tiêng có rất nhiều lễ cúng với qui mô lớn nhỏ khác nhau. Lễ cúng thần Neaktà thường tổ chức tại làng hoặc miếu thờ trong rừng nhằm xua đuổi những bệnh tật, rủi ro, những điều xui xẻo... Để tổ chức lễ cúng, các thành viên trong cộng đồng góp rượu, thịt, gà, gạo... cúng xong cùng nhau ăn uống tại miếu rồi giải tán. Lễ cúng Veba cầu cho cộng đồng được bình an, mùa màng tươi tốt. Lễ cúng thần đất khi bắt đầu phát nương rẫy. Lễ cúng cơm mới khi lúa chín. Quan trọng nhất là lễ cúng thần lúa thường được tổ chức vào tháng âm lịch, đây là lễ lớn nhất được coi như ăn tết của người S'tiêng, còn được gọi là lễ cúng rơm. Tùy điều kiện của từng gia đình, người ta mổ gà, mổ heo hoặc trâu, bò để ăn uống, ca hát, tạ ơn thần lúa đã cho cái ăn nuôi sống gia đình, cộng đồng. Lễ hội đâm trâu thường được tổ chức mừng được mùa lớn (gia đình thu hoạch lúa từ 100 gùi cỡ to trở lên), mừng chiến thắng kẻ thù, mừng làm ăn, phát đạt, mừng con cái lớn khôn... cùng với hiến sinh trâu còn có cả bò, heo. Nếu hiến sinh một trâu, cột lễ để buộc trâu làm đơn giản, nhưng từ hai trâu trở lên thì



Già làng K' Lư,
ấp Bù Cháp, xã Tà Lài,
huyện Tân Phú.



Nghệ nhân Điểu Thị
Loan, xã Xuân Hòa,
huyện Xuân Lộc,
đang hát ru.



Nghệ nhân Điểu Thị
Choi, xã Xuân Hòa,
huyện Xuân Lộc.



Nghệ nhân Ka Ron, ấp
Bù Cháp, xã Tà Lài,
huyện Tân Phú.



Nghệ nhân Ka Nghe,
ấp Lý Lịch, xã Tà Lài,
huyện Tân Phú.



Nghệ nhân Ka Thơ, ấp
Lý Lịch, xã Tà Lài,
huyện Tân Phú.

cột lễ được trang trí các họa tiết hoa văn đẹp, chế tác công phu. Lễ hội thường kéo dài suốt hai ba ngày đêm liên tiếp.

6. Văn hóa – nghệ thuật:

Người S'tiêng rất yêu âm nhạc. Nhạc cụ quan trọng nhất, đồng thời là một trong số gia tài quý ở xã hội truyền thống của người S'tiêng đó là bộ công (mỗi bộ 05 chiếc) và chiêng (mỗi bộ 06 chiếc). Riêng trong đám tang chỉ sử dụng 03 chiếc công hoặc 03 chiếc chiêng. Ngoài ra, còn có các loại nhạc cụ khác như trống, tù và, kèn bầu, đàn goong kala chế tác từ ống lồ ô được tước thành 06 sợi để tạo ra âm thanh khác nhau.

Người S'tiêng có kho tàng văn nghệ dân gian khá phong phú.



*Nghệ nhân Ka Lăm, ấp
Bù Cháp, xã Tà Lài,
huyện Tân Phú.*



*Nghệ nhân Diêu Thị
Hét, xã Tân Hiệp, huyện
Long Thành.*



*Nghệ nhân Diêu Phua,
xã Tân Hiệp, huyện
Long Thành.*



*Hai em Ka Thị Hiền và Ka Phụng, ấp Bù Cháp,
xã Tà Lài, huyện Tân Phú.*

Trước đây, một số huyền thoại, truyện cổ tích của đồng bào đã được các nhà nghiên cứu sưu tầm, biên soạn thành sách. Những bài hát, những điệu múa của đồng bào S'tiêng rất đa dạng, mang tính đặc trưng của cộng đồng tộc người sâu sắc. Nhưng hiện nay, tương tự như những cộng đồng dân tộc ít người khác, số người S'tiêng am hiểu và nhớ về vốn văn hóa truyền thống của dân tộc mình không còn nhiều. Những truyền thuyết về nguồn gốc, lịch sử tộc người, các bài ca dao, dân ca, điệu múa... đang bị lãng quên. Kho tàng văn hóa nghệ thuật của người S'tiêng đang có nguy cơ mai một dần nếu không kịp thời có những động thái nghiên cứu, bảo tồn và phát huy của các ban, ngành chức năng ở địa phương.